

Tác Giả và Tác Phẩm

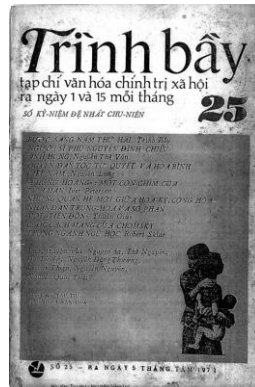
Thế Nguyên

Tiểu sử

Tên Thật: Trần Gia Thoại
Sinh năm 1942, tại Nghĩa Hưng, Hà Nam Ninh.
Tự trần tại Sài Gòn, ngày 15.8.1989.

Tác phẩm

Hồi chuông tắt lửa (Tập truyện)



Mục Lục

Hồi chuông tắt lửa và cái nhìn hiệt tượng luận – Huỳnh Như Phương – 2

Hồi chuông tắt lửa - 9

Thế Nguyên: Con ách chuồn...”Văn chương dẫn thân” – Du Tử Lê – 16

Tạp chí Trình Bày:

Thế Nguyên & Nhóm Trình Bày – Thế Phong – 25

Lời phi lộ - 29

Nguyễn Nguyên: lặng lẽ một đời văn – 31

Về các tờ báo *Hành Trình*, *Đất Nước* và *Trình Bày* – Nguyễn Văn Lục - 33

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Hồi chuông tắt lửa và cái nhìn hiệt tượng luận Huyền Như Phương

Hồi chuông tắt lửa là một cuốn truyện vừa của nhà văn Thế Nguyên ⁽¹⁾ hoàn thành tháng 8 năm 1963 và được công bố lần đầu ở Sài Gòn năm 1964. Theo chúng tôi, đây là một trong những tác phẩm văn xuôi đặc sắc ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975, nhưng chưa được giới nghiên cứu, phê bình quan tâm thích đáng. Tác giả là một trí thức Công giáo khuynh tả chịu ảnh hưởng của tư tưởng thần học giải phóng và một số quan niệm mỹ học phương Tây, trong đó có chủ nghĩa hiện sinh và hiện tượng luận, vốn được giới thiệu ở miền Nam vào những năm 60 thế kỷ trước như một lý thuyết mỹ học và một kỹ thuật miêu tả trong sáng tạo văn học.

Bài viết này bước đầu soi chiếu vào thế giới nghệ thuật của tác phẩm *Hồi chuông tắt lửa* từ quan điểm hiện tượng luận của Husserl và Merleau-Ponty để phân tích cái nhìn và kỹ thuật miêu tả của nhà văn về vấn đề số phận con người với kinh nghiệm ở đời giữa những biến thiên của lịch sử dân tộc và tôn giáo. Vận dụng hiện tượng luận, trong trường hợp này, chúng tôi cũng muốn đào sâu ý nghĩa tiềm ẩn của tác phẩm từ sự phân tích của người đọc, theo tinh thần tác phẩm là đối tượng thẩm mỹ cho một ý thức tiếp nhận.

Một thế giới được tạo dựng

Câu chuyện của *Hồi chuông tắt lửa* khởi đầu bằng việc nhân vật người kể chuyện xưng “tôi” nhận lời mời của một vị linh mục tham gia giảng dạy cho một trường trung học mới mở trong một xứ đạo ở một vùng quê thời kháng chiến chống Pháp. Từ đây bắt đầu những kinh nghiệm tại thế với những quan hệ chính trị, tôn giáo, tình yêu và tính dục mà nhân vật đó trải qua trong tương giao với những con người ở xứ đạo.

Chính trong những ngày ấy, nhân vật xưng “tôi” đã lần lượt rơi vào những tình huống tưởng chừng như mê cung không lối thoát. Ở đó, anh ta đã trải qua hai cuộc tình thoáng qua với một cô gái quê và một cô giáo đồng nghiệp cùng trường. Cô giáo này là bạn thân của người em gái vị linh mục, cả hai đều từng ở trong một dòng tu và chứng kiến cái chết bí ẩn của một người nữ tu khác. Người em gái này về sau mang thai với M., một tu sĩ rời bỏ chủng viện để hoạt động chính trị bí mật, và đã từ trần vì sinh non.

Cuộc sống ở xứ đạo với nhà thờ và ngôi trường được sắp xếp ổn định dưới bàn tay của cha T. Các tu sĩ và tín đồ ngoan đạo làm tròn bổn phận của mình. Thầy giáo, cô giáo chu toàn nhiệm vụ dạy học. Học trò, trong đó có đứa con đỡ đầu của cha T. là thằng Ánh, học hành tiến bộ, cả về kiến thức lẫn đạo đức, vì “việc học là cần thiết, nhưng giáo dục không phải chỉ nguyên rèn luyện đầu óc cho thông thái”⁽²⁾.

Có thể nói, trong ý định chủ quan của mình, cha T. có ý hướng tạo dựng một xứ đạo lành thánh, ở đó những thế hệ tín đồ kế thừa và tiếp nối truyền thống trong một cuộc sống hoà hợp. Điều mâu thuẫn là để đạt được mục đích ấy, cha T. đã phải che giấu những điều khuất tất, xoá vết những tội lỗi để khoả lấp những nghi ngờ của các giáo dân.

Thế giới tưởng chừng phẳng lặng đó ẩn chứa những cơn sóng ngầm chỉ chờ cơ hội là bùng nổ. Mỗi tình tay ba của những người đồng nghiệp dẫn đến xung đột giữa nhân vật “tôi” và K., ngay lúc anh này vừa đính hôn với cô giáo. Bầu không khí trở nên căng thẳng hơn nữa khi K. nghi ngờ rằng Ánh là kết quả mối quan hệ bí mật giữa cô giáo và cha T.

Đỉnh điểm của xung đột là khi có sự xuất hiện của M., người từng gây ra những vụ mưu sát tàn bạo trước đôi mắt kinh hoàng của các nạn nhân. M. gặp cha T. trong toan tính nhờ sự giúp đỡ của ông để trốn thoát khỏi vùng đất do những người kháng chiến kiểm soát. Theo kế hoạch được sắp xếp, ông Bô Khương, một tín đồ mất trí, bị đưa ra xét xử chỉ vì tội ăn cắp vặt, nhằm thu hút sự chú ý của mọi người tại phiên tòa, để M. dễ bề tẩu thoát.

Nhưng M. không chịu ra đi một mình. Ông ta tìm cách tra vấn bí mật mà chỉ cha T. và cô giáo nắm rõ, để biết sự thật rằng thằng Ánh là đứa con của ông với cô giáo. M. cướp thằng Ánh trong tay cô giáo để xuống một con đò đang đợi sẵn ở bên sông. Bị người du kích phát hiện, M. chứng kiến viên đạn kết liễu cuộc đời của Ánh thay cho chính ông ta.

Toàn bộ câu chuyện được gói trọn chỉ trong 100 trang sách ngắn, in chữ cỡ lớn, từ từ mở ra một thế giới khép kín trong lòng một đất nước tao loạn. Đó là thế giới được tái hiện với những bí ẩn của nó, đồng thời cũng là một thế giới được tạo dựng dưới kỹ thuật miêu tả của nhà văn.

Theo hiện tượng luận, thế giới đã hình thành và ý thức của con người về thế giới cũng hình thành cùng một lúc với kinh nghiệm của ta, trong hiện hữu tại thế của ta⁽³⁾. Merleau-Ponty viết: “Thế giới gắn liền với chủ thể mà chủ thể không gì khác hơn là dự phóng của thế giới, và chủ thể cũng không tách rời với thế giới do chính chủ thể dự phóng nên. Chủ thể là hữu thể tại thế còn thế giới luôn mang tính chủ thể”⁽⁴⁾. Thế giới *Hồi chuông tắt lửa* đã được tạo dựng cùng lúc với ý thức của nhân vật xưng “tôi” hình thành trong kinh nghiệm mà anh ta thu thập được và tìm cách bày tỏ kinh nghiệm đó với tha nhân.

Cũng theo nhãn quan hiện tượng luận, sự phân tích và giải thích không quan trọng bằng sự miêu tả. Trong *Hồi chuông tắt lửa*, Thế Nguyên không sa vào phân tích tâm lý như tiểu thuyết có cốt truyện tình cảm, cũng không lý giải và định hướng cho người đọc như tiểu thuyết có cốt truyện giáo dục. Ông miêu tả hiện tượng như người ta bóc những lớp vỏ của một củ hành để từng bước chạm vào cái hạt nhân bí ẩn bị che giấu. Nhưng nhà tiểu thuyết cũng không có tham vọng của một nhà văn hiện thực chủ nghĩa, tin rằng cái tôi nghệ sĩ có khả năng khám phá bản chất và quy luật của đời sống như nó vốn có.

Hồi chuông tắt lửa thuộc khuynh hướng tiểu thuyết đề cao cái sống thực. Trong tác phẩm, yếu tính của sự vật không phải là cái gì tự nó mà chỉ bộc lộ ra trong quan hệ hỗ tương với ý thức. Ở đây có một nghịch lý thú vị này: một mặt, *Hồi chuông tắt lửa* không nhằm tái hiện một thực tại có sẵn mà là triển khai việc khám phá một sự thực; mặt khác cuốn tiểu thuyết giả định rằng cả tác giả lẫn người đọc, nói theo ngôn ngữ của Husserl, chỉ đạt tới và nắm bắt những hiện tượng trong thế giới của kinh nghiệm sống, chứ không thể nào vượt tới bản chất của nó. Thoạt nhìn, dường như đó là một bước lùi so với chủ nghĩa hiện thực, nhất là tác phẩm hiện thực qua tiêu điểm zéro, trong đó người trần thuật có điểm nhìn bên trên như điểm nhìn của Thượng đế đối với các nhân vật của mình, nhờ đó mà hiểu biết thông suốt tất cả mọi sự, khiến nhân vật không thể che giấu được điều gì, ngay cả những động cơ thầm kín của nó.

Thật không dễ chấp nhận với một số người khi nhận xét rằng một “chủ nghĩa hiện thực” nào đó có thể là biến tướng của thế giới quan duy tâm, khi mà thực tại được tái hiện chẳng khác nào một mô hình được cấu tạo theo chính tâm trí của con người. Càng không dễ chấp nhận khi nhận xét rằng hiện thực khả tín nhất không phải là “hiện thực mãn nguyện” mà là hiện thực chứa đựng những yếu tố hoài nghi. Về một khía cạnh nào đó, hiện tượng luận tỏ ra tôn trọng “hiện thực”, vì nó xoá bỏ định kiến cho rằng cái tôi là trung tâm của chân lý nội tại thay vì chỉ là một chủ thể gắn liền với thế giới.

Vậy thế giới đã được tạo dựng trong *Hồi chuông tắt lửa* như thế nào?

Đó là thế giới của những bí ẩn chồng lên bí ẩn. Bí ẩn trong gia đình của cha T., nơi có một người con gái mang hoang thai đã chôn vùi tuổi thanh xuân của mình trong tình yêu mù quáng. Bí ẩn trong cuộc đời chị Agnès, người nữ tu hoá điên khi đối mặt với cái bóng đen ngoài vườn tu viện. Bí ẩn trong mối quan hệ tay ba của cô giáo, nhân vật “tôi” và K. Bí ẩn trong lai lịch và hành tung của M., đảng viên Quốc dân đảng đang bị chính quyền kháng chiến truy lùng. Bí ẩn trong nguồn gốc và tính cách của thằng Ánh. Bí ẩn trong hành động và động cơ của cha T. Bí ẩn trong cuộc đời và số phận của Bô Khương. Bí ẩn về con vạc mờ của bố Khánh...

Nhưng bí ẩn không phải là bí ẩn tự nó. Bí ẩn bao giờ cũng nằm trong tương quan với một cá thể. Bí ẩn với người này có thể là điều dễ hiểu đối với người kia. Đồng thời, bí ẩn luôn có thể gây ra hoài nghi và ngộ nhận. Cốt truyện của *Hồi chuông tắt lửa* là cốt truyện của những hoài nghi và ngộ nhận được xâu chuỗi. Tác giả, thông qua điểm nhìn của người kể chuyện, lần lượt vén màn những bí ẩn đó và giải toả những ngộ nhận. Nhân vật người kể chuyện xưng “tôi”, với sự “giúp đỡ” của nhân vật K., đã dần dần chiếu những tia sáng mong manh vào thế giới mờ đục của câu chuyện *Hồi chuông tắt lửa*.

Hiện tượng luận quan niệm thế giới cũng như sinh hoạt tại thế của ta có tính chất mờ đục, không thể thấu hiểu. Thế giới mờ đục trước hết là vì thế giới bị che giấu: cả chị Agnès, cả người em gái của cha T. và cô giáo đều che giấu mối tình bi đát của mình trong câm lặng. Cha T. che giấu tấn thảm kịch của những người phụ nữ, đồng thời che giấu kẻ gây ra nguồn cơn của tấn thảm kịch đó, để tự mình nhận lấy sự kết án của K.

Thế giới là mờ đục, theo hiện tượng luận, còn vì con người chỉ có thể nhìn thấy một mặt nào đó của nó. Nói khác đi, thế giới không phải là một toàn thể mà là một trắc diện qua cái nhìn của mỗi người, trong từng tình huống cụ thể. Cho nên mờ đục gắn liền với đặc tính của thế giới. Nhưng bằng lối miêu tả hiện tượng luận cộng với thủ pháp “do thám” của tiểu thuyết điều tra hình sự, Thế Nguyên đã từng bước phơi bày sự thật về thế giới và con người sau những tấm mặt nạ. Có thể nói *Hồi chuông tắt lửa* biểu hiện sự giằng co giữa quan niệm tiểu thuyết theo chủ nghĩa hiện thực và nhãn quan hiện tượng luận nơi Thế Nguyên.

Trong nhãn quan hiện tượng luận, tiểu thuyết là một phương thức “trở về với chính thế giới”, như lời kêu gọi của Husserl, và do đó tự đặt cho nó nhiệm vụ miêu tả sự vật và hiện tượng đã xuất hiện trong kinh nghiệm sống thực của chủ thể như thế nào. Muốn vậy, chủ thể phải xoá bỏ những thiên kiến, gạt bỏ những ảo tưởng. Thuật ngữ *Reduktion* của Husserl trong tiếng Đức, *Réduction* trong tiếng Pháp được Trần Thái Đình dịch là “Giảm trừ”⁽⁵⁾, Lê Tôn Nghiêm dịch là “Giản lược”⁽⁶⁾, còn Phạm Công Thiện thì dịch là “Quy hồi”⁽⁷⁾. Đằng sau sự khác biệt này, có thể tìm thấy một điểm kết nối: muốn “quy hồi” để thế-giới-tự-nó trở thành thế-giới-cho-ta, thì phải giảm trừ hay giản lược những định kiến về thế giới, “cho nó vào trong ngoặc đơn”.

Lịch sử văn học đã ghi nhận những hình mẫu có tính lý tưởng về “người tình nhân chung thủy”, “người cách mạng hy sinh”, “người tu sĩ đạo đức”; đồng thời cũng ghi nhận những nỗ lực “phá chấp” để có được cái nhìn trẻ thơ về thế giới khi nó xuất hiện lần đầu tiên trong kinh nghiệm sống của chủ thể. Trong *Hiện tượng luận về tri giác*, Merleau-Ponty nhìn nhận: “Không có gì khó bằng biết thực đúng cái ta nhìn”⁽⁸⁾. Đây càng là một nỗ lực khó khăn trong bối cảnh của những đổ kỹ và định kiến. Boccaccio, Rabelais... tầm cỡ như vậy mà đã không yên trong bối cảnh văn hoá Phục hưng nhiều cởi mở hướng hồ Thế-Nguyên-tuổi-hai-mươi trong xã hội miền Nam đầy thù hận và cố chấp giữa những năm 60 thế kỷ trước...

Hiện tượng luận không chấp nhận kinh nghiệm do tri giác đem lại một cách đương nhiên mà không tìm hiểu, khám phá, sáng tạo. Kinh nghiệm và tri giác chính là kinh nghiệm và tri giác của

tôi, do tôi và cho tôi. Và ngay khi tôi có kinh nghiệm về thế giới thì cùng một lúc tôi bừng tỉnh và phản tỉnh về thế giới. Đó là ý nghĩa của luận đề ý thức là ý thức về một đối tượng và đối tượng là đối tượng cho một ý thức. Kinh nghiệm về thế giới thay đổi phụ thuộc vào sự thay đổi của chính các hiện tượng, đồng thời với sự thay đổi của ý thức tôi về hiện tượng đó.

Nếu cha T., ông M. và những người kháng chiến có thể giữ một trạng thái tinh thần không suy suyển trước mọi sự thật vì họ là những người “cứng lòng tin”, thì những người như cô giáo, anh K. và nhân vật xưng “tôi” chắc chắn phải ít nhiều phản tỉnh trước tấn thảm kịch. Có điều Thế Nguyên không nhằm miêu tả sự phản tỉnh và chuyển biến về tâm lý đó, vì ông không đi theo cung cách miêu tả của tiểu thuyết truyền thống. Mặc dù không hẳn là chuyện-kể-hành-vi-luận, trong đó câu chuyện được kể lại bởi một người trần thuật biết ít hơn các nhân vật của mình, *Hồi chuông tắt lửa* đã giảm lược sự phân tích tư tưởng và tình cảm của nhân vật. Tác giả kể một câu chuyện về đời người và người đời mà không truy tìm và cắt nghĩa động cơ của họ. Nhà văn miêu tả mà không lý giải khiến cho tác phẩm dường như treo lửng mọi phán đoán.

Thế nhưng, về phía những người đọc, chúng ta lại có nhu cầu cắt nghĩa thế giới và phán đoán những con người trong đó với những động cơ của họ. Hiện tượng luận không chủ trương giải thích thế giới nhưng lại mở cánh cửa cho những sự giải thích khác nhau về thế giới và gợi mở cho người đọc lấp đầy những khoảng trống của văn bản bằng sự tiếp nhận của mình.

Tóm lại, thế giới *Hồi chuông tắt lửa* là một thế giới tưởng chừng đạo đức, bình an, lành thánh ở một xứ đạo; đồng thời cũng là một thế giới che giấu những mưu mô, thủ đoạn, giả dối nên chỉ chờ cơ hội để bùng nổ. Vì vậy, đó là một thế giới mờ đục, không thể thấu hiểu, con người chỉ có thể nhìn thấy một trắc diện của nó, nên dễ gây ra ngộ nhận. Tác giả miêu tả những hành vi ở bề mặt của nhân vật mà không đi sâu phân tích động cơ, tâm lý, cũng không lý giải và định hướng mà để người đọc tự mình phán xét.

Một thế giới bị sụp đổ

Âm mưu của ông M., có sự giúp sức, vô tình hay hữu ý, của cha T., nhằm cướp đi đứa con với cô giáo – chính là thằng Ánh – trên đường trốn thoát, đã bắt thành khi bị những người kháng chiến phát hiện. Viên đạn oan nghiệt đã cắm vào ngực thằng bé. Thế Nguyên viết trong đoạn cuối cuốn tiểu thuyết, khi xác Ánh được đưa từ con đò dưới bến sông về nhà thờ:

“Khi chúng tôi về tới cửa nhà nguyện, cuộc phụng vụ vừa xong. Cha T. còn quỳ lại sau hồi chuông tắt lửa. Bóng bố Khả lệnh khệnh chụp cái bù đài lên từng ngọn nến. Ánh sáng leo lét nhỏ dần, chập đôi gương mặt bố. Mọi người lục tục rời hàng ghế. Khi thấy chúng tôi, họ dừng cả lại như bất động. Ngay lúc ấy một làn chớp loé lên. Bóng ông Bô Khương vụt hiện ra rất nhanh ngoài sân cỏ, mang hình ảnh cứu chuộc thể thảm trên đỉnh đồi Golgotha, đồng thời với một tiếng sét kinh hoàng. Tôi run rẩy bấu chặt tay vào bờ tường nhìn xác thằng Ánh xám ngắt loạng choạng trên tay ông M. Đầu cô giáo gục xuống, gương mặt hoàn toàn nằm trong bóng tối. Dư âm tiếng sét còn lại vang rền. Tôi nghe chừng cả một khoảng trời cao vừa sụp đổ...”⁽⁹⁾.

Trong tác phẩm này, hồi chuông tắt lửa là hồi chuông cuối ngày thứ sáu tuần thánh, báo hiệu tắt cả đèn nến trong giáo đường tắt dần để tưởng niệm ngày Chúa chịu nạn. Ngẫu nhiên, hồi chuông tắt lửa cũng trùng hợp với hồi chuông báo tử, cầu nguyện cho linh hồn bé nhỏ của Ánh. Một thế giới được tạo dựng, với những sự thật được phát hiện của nó, đã nhanh chóng sụp đổ. Nhưng đây không phải là lần sụp đổ đầu tiên và duy nhất. Thế giới trong *Hồi chuông tắt lửa* đã sụp đổ từng mảng khi mà những hiện tượng được con người tri giác đã dẫn đến sự vỡ mộng; còn những tương giao đã biến con người thành những công cụ.

Thuộc vào dạng thứ nhất là trường hợp mối quan hệ của Bô Khương đối với người cha thiêng liêng: một lần chứng kiến hành vi bất nhân của vị cha cố đỡ đầu, ông đã rời bỏ nhà dòng, rơi vào khủng hoảng và mắc bệnh tâm thần, trở thành kẻ “ném đá” vào thế gian theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Đó cũng là trường hợp ông M. hiện ra vừa như thủ lĩnh một nhóm hoạt động bí mật, vừa như một Don Juan thời hiện đại. Con người có hành tung bí ẩn nhưng cũng có sức hấp dẫn của một người đàn ông táo bạo đó là nguồn cơn tấn tằm kịch của cả ba người phụ nữ: Agnès, em gái cha T. và cô giáo. Ba người phụ nữ này, nói cho cùng, cũng chỉ là phương tiện của M.

Việc Agnès đem vá chằng chịt những mụn vải nhỏ lên bộ áo dòng khi còn lành lặn không phải là một trò chơi vô nghĩa. Khi chia sẻ trọn vẹn cái bí mật của hai người bạn tu, cô giáo đã phát hiện ra bộ mặt thật của một con người và cũng là của một thế giới:

“Đôi khi tôi đã nghĩ rằng không được làm “thánh” thực đáng buồn. Nhưng rồi bản thân va chạm với thánh thần, chia sẻ cái gia tài giả dối, lương đảo, phụ bạc trắng trợn của chính bậc tu hành, tôi mới sáng mắt ra mà nhận thấy rằng chỉ làm “thánh” thôi, chỉ làm “thánh” dưới mắt kẻ chung quanh thôi mới thực là đáng nản”⁽¹⁰⁾.

Thuộc vào dạng thứ hai là quan hệ giữa K. và nhân vật xưng “tôi” với Hạnh, một người con gái quê thật thà, dễ bị lợi dụng. Đứng về phương diện luân lý, việc cha T. triệu tập đám đông tín hữu trong buổi lễ để làm bình phong cho M. trốn thoát, vô hình trung cũng xem họ như là công cụ.

Thật ra, những nhân vật của *Hồi chuông tắt lửa* không phải không có ý hướng và nỗ lực đi tìm và xây dựng những mối tương giao nhân bản. Thoạt đầu, giữa nhân vật xưng “tôi” và cô giáo đã tìm thấy một sự đồng cảm trong tình cảnh của những người ở dưới vực sâu:

“Người ta có thể xuống tới nhiều chặng thất vọng khác nhau. Riêng tôi, đứng ở nấc thang chót bắc xuống vực tuyệt vọng, thấy ông quơ tay tìm tôi dưới đáy vực, ngại gì một vùi tay đối với ông. Chúng ta đã tới đáy: sự thực không có gì lạ ngoài cô đơn và lạnh lẽo!”⁽¹¹⁾.

Không phải ngẫu nhiên mà người đàn bà này có thể viết cho người-tình-một-đêm của mình lá thư để trút hết uẩn khúc của lòng mình:

“Chia sẻ trọn vẹn sự bí mật đời tôi đối với ông, tôi không cảm thấy mất mát điều gì. Trái lại nỗi cô đơn của lòng tôi như một vết dầu. Đã từ lâu, vết dầu đó cứ lần lần thấm sâu vào từng ngõ ngách trong cơ thể tôi. Đã từ lâu tôi đi trong đêm tối như một người tù ánh sáng. Đã từ lâu tôi không còn thấy hoả ngục nơi người khác: Tôi đã gặp nó ngay trong nỗi cô đơn của hồn tôi. Ông cũng vậy, phải không ông?”

“Vậy thì, câu chuyện kể trong đêm giữa hai người tù ánh sáng vẫn còn mang nguyên vẹn sự bí mật tuyệt vọng của nó...”⁽¹²⁾.

Hai chủ đề “Con người bị kết án phải cô đơn” và “Hoả ngục chính là kẻ khác” trong tác phẩm Jean-Paul Sartre đã được kết hợp trong một cảnh ngộ, qua một lời tự bạch. Tại sao gọi đây là “sự bí mật tuyệt vọng”? Phải chăng bởi vì đây là bí mật không thể hoá giải, và nếu bí mật được hoá giải có nghĩa là một thế giới sẽ sụp đổ.

Lần đầu tiên hình ảnh về màu lửa cháy báo hiệu cho sự hủy diệt đã xuất hiện ngay từ cuối chương hai của cuốn tiểu thuyết:

“Lúc tôi đọc xong lá thư của cô giáo, mặt trời đã đổ dưới rặng tre và buổi chiều là cả một đám cháy. Đám cháy ấy đang chuyển màu trước mắt tôi: từ đỏ thẫm, xám, lẫn màu cứng sắt. Thế rồi cái đám tàn tro kia bay mịt mù lên không gian, phủ kín bầu trời quang đãng. Đột nhiên trong một phút, toàn thân tôi chết cứng, tay chân không thể nào co rút được như thể có một thứ băng giá nào đã làm tê liệt các động mạch”⁽¹³⁾.

Cô giáo không phải là người muốn tạo ra đám cháy. Cô vẫn muốn nuôi giữ bí mật, có thể vì đó là kỷ niệm thiêng liêng của cô, cũng có thể vì cô không muốn nó cản trở con đường trở về cuộc sống bình thường trong quan hệ với K. Cô tin vào sự dàn xếp của cha T. sẽ giúp cô thoát khỏi tình trạng hiểm nghèo hiện tại.

Nhưng cái giá mà cô giáo, cha T. và cả M. phải trả cho những toan tính của mình thật quá đắt. Chính họ đã đẩy thẳng Ánh vào tâm điểm của xung đột. Ánh vừa là đầu mối kết nối hai cực của một thế giới, vừa là tiêu điểm tranh chấp của hai cực đó: một cực là mưu mô, thủ đoạn; một cực là cả tin, ngờ nghệch. Khi điểm kết nối này bị phá hủy, và thế giới không còn đặt nền tảng trên những tương giao nhân bản mà là nguồn cơn của “kinh sợ và bàng hoàng”, thì thế giới ấy phải sụp đổ.

Tóm lại, thế giới *Hồi chuông tắt lửa* đã sụp đổ vì đặt trên nền tảng của sự giả tạo và giả dối, vì những thiên kiến và ngộ nhận không thể hoá giải. Thế giới bị sụp đổ còn vì thiếu những tương giao nhân bản, con người không phải là mục đích cao nhất mà là phương tiện của nhau. Cuối cùng, thế giới phải sụp đổ vì những mặt nạ lần lượt bị bóc trần và bị đát thay, vì cái ác, sự sa đọa không bị trừng phạt mà sự ngây thơ, vô tội bị huỷ diệt thay cho cái ác.

Một thế giới được cứu chuộc

Trong một bài viết về *Hồi chuông tắt lửa* ngay sau khi tác phẩm ra đời và nhận được sự hồi đáp không thuận lợi của một bộ phận độc giả, Nguyễn Văn Trung rất nhạy cảm khi nói đến chủ đề cứu chuộc của tác phẩm: “Tôi có cảm tưởng là tác giả muốn thể hiện một ý tưởng thần học về sự “cứu chuộc” qua hai nhân vật: Bô Khương và đặc biệt là linh mục T.”⁽¹⁴⁾. Sự hy sinh của Bô Khương được nhìn nhận như “một sự “cứu chuộc” vô ý thức vì nạn nhân không biết được ý nghĩa việc làm của mình. Bô Khương gọi lên hình ảnh con chiên trong sạch bị hy sinh để đền tội cho mọi người trong Cựu ước”⁽¹⁵⁾.

Không phải ngẫu nhiên mà Thế Nguyễn đưa vào văn bản thiên truyện đoạn sách Thánh, qua giọng đọc của thầy già xứ, nói về việc dân chúng Israel mỗi nhà hiến một con chiên hay một con dê để ăn thịt trong ngày Chúa vượt qua. Cũng chính tác giả ghi chú thích ở cuối trang thay cho nhà xuất bản:

“Theo Cựu ước, lễ ăn thịt chiên là để kỷ niệm ngày giải phóng dân Israel ra khỏi ách nô lệ Ai Cập. Đàng khác, việc hiến dâng còn mang ý nghĩa như một sự Cứu chuộc, một bí tích: mọi tội ác của người ta sẽ đổ lên đầu con chiên đực trong sạch kia và khi con vật được thiêu huỷ đi, nó mang luôn theo tất cả những vết tích như bản đồ”⁽¹⁶⁾.

Ý tứ ở đây gắn liền với sự hy sinh của hình tượng Bô Khương, bị máy đũa học trò thủ vai quân Du-dêu lòng bất ngoài chợ, vậy là đã rõ.

Theo Nguyễn Văn Trung, trái với sự hy sinh mà không biết mình hy sinh của Bô Khương là thái độ hy sinh có ý thức và có chủ tâm của cha T. Nhà phê bình viết:

“Thằng Ánh là kết quả của những oan trái, tội lỗi và cái chết vô tội của nó càng nói lên sự oan trái, tình cảnh tội lỗi của những con người. Nhưng sự có mặt của nó cũng như những hành động của cô giáo là yếu tố đưa đến ngộ nhận mà cha T. sẽ phải chịu đựng, một sự chịu đựng có ý thức biết trước, cố ý, vì muốn đảm nhiệm một thái độ linh mục đích thực giống thái độ của Chúa Kitô trên thánh giá: gánh lấy những tội lỗi, oan trái của cuộc đời [...].

“Chỉ mình cha T. nắm những bí mật của một cuộc đời đó dù biết có thể bị hiểu nhầm và sẽ phải chịu đựng những đau khổ vì sự hiểu nhầm đó, một hiểu nhầm đúng tới chính điều làm cho chức linh mục được tôn kính là đức trinh khiết. Thật cao cả biết bao thái độ của cha T. trước những lời tố cáo của K. Ngài không oán giận mà còn tha thứ, cầu nguyện cho những người hiểu nhầm mình. Ngài cũng không phán đoán họ vì phải chăng phán đoán là kết án và bao giờ cũng là sai lầm khi phê phán đúng tới những lý do thuộc về lương tâm của một người. Đó cũng là thái độ của Chúa Yêsu trên thánh giá đối với những kẻ đóng đinh Ngài”⁽¹⁷⁾.

Mặc dù chia sẻ phần nào sự đánh giá của Nguyễn Văn Trung đối với những thiện ý của nhân vật T., chúng tôi cho rằng xét cho cùng thì cha T. vẫn không phải là biểu tượng của sự cứu chuộc trong *Hồi chuông tắt lửa*. T. không phải là người duy nhất nắm giữ những bí mật của M., cũng không phải là người biết rõ tất cả mặt trái của M., so với cô giáo. Nhưng trước một con người mà ông biết là sa đọa, liệu lương tâm ông có yên ổn khi ông không tỏ ra một biểu hiện nào để ngăn cản tội ác. Dù việc M. cướp thằng Ánh trên tay cô giáo dẫn đến cái chết thảm khốc của nó là việc ngoài ý muốn mà T. không lường trước, nhưng ông vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm về tấn thảm kịch ấy.

Tuy vậy, đó chưa phải là lý do chủ yếu để ta đặt dấu hỏi về “đức trinh khiết” của cha T. Điều chủ yếu khiến ta đặt dấu hỏi về điều đó chính là thái độ của cha T. trong quan hệ với Bô Khương. Phải chăng Bô Khương cũng chỉ là một phương tiện trong những toan tính của cha T.? Việc Bô phải đền tội cho người khác trong ngày thứ sáu tuần thánh phải chăng cũng là một vở kịch nhằm che đậy một âm mưu chính trị dưới lớp vỏ tôn giáo? Và như vậy, phải chăng chủ đề “cứu chuộc” đã bị nhìn nhận trái với tinh thần nhân bản?

Chính vì vậy mà theo chúng tôi, biểu tượng của sự cứu chuộc trong *Hồi chuông tắt lửa* không phải là Bô Khương, càng không phải là cha T. Biểu tượng đó chính là Ánh, dù thằng bé chưa ý thức đầy đủ về số phận của mình, càng không thể tự cắt nghĩa về cái sống và cái chết của mình. Ánh chính là biểu tượng của “đức trinh khiết” mà tất cả người lớn có thể soi vào. Ánh đã làm vật hiến tế cho những toan tính của người lớn. Nó phải trả món nợ tinh thần cho những kẻ đã tạo ra hình hài và linh hồn nó bằng chính mạng sống của nó. Cái chết của Ánh vừa như một phi lý của hiện sinh, vừa có ý nghĩa như một cứu rỗi cho những tội ác, sa đọa của người lớn.

Một chi tiết có sức ám ảnh là hình ảnh con búp bê bằng len thất nơ đỏ mà Agnès để lại đã làm chứng cho tấn bi kịch của người bạn gái cô giáo và rồi của chính cô. Có thể xem Ánh là hoá thân của con búp bê mà ba người phụ nữ cả tin này muốn sở hữu cho riêng mình. Đứa bé có tật hay ngủ gục và học hành chênh mảng đó thật ra là một “thiên sứ” mà Thượng đế gửi xuống để cứu chuộc cho những kiếp người tội lỗi.

Có thể nói *Hồi chuông tắt lửa* là một tác phẩm pha trộn chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa hiện sinh và kỹ thuật miêu tả hiện tượng luận. Sự pha trộn đó thể hiện sự giằng co trong tâm thức của bản thân tác giả. Trên hành trình tư tưởng và trong sáng tác nghệ thuật, Thế Nguyên đã tìm đến hiện tượng luận như một sự hoà giải giữa chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa hiện sinh, rồi từ hiện tượng luận về hiện sinh đi tới một hiện tượng luận về xã hội, nhưng thời cuộc không cho phép ông đi đến cùng chọn lựa nghệ thuật của mình. Càng về sau, nhà văn càng mạnh mẽ phê phán những biểu hiện của điều mà ông gọi là “tính chất si-nốp-bít” (thói học đòi làm sang)

của xã hội miền Nam⁽¹⁸⁾. Ông bài bác thứ “văn chương hiện sinh” theo đuôi, làm dáng, đồng thời đề cao văn chương hiện sinh dần thân, trong đó con người phản tỉnh về thân phận của mình, thông qua những kinh nghiệm sống trong một hoàn cảnh cực đoan của đất nước.

Hoạt động thực tiễn tạo điều kiện cho Thế Nguyên tìm thấy ở phong trào dân tộc một điểm kết nối giữa tinh thần xã hội và đức tin Kitô giáo. Nhưng rồi chính *Hồi chuông tắt lửa* và tác giả của nó cũng không tìm được sự dung hợp và chỗ đứng trong lịch sử. Nhà văn đã chịu chung thân phận với nhân vật của mình, thân phận con người ở “giữa hai làn đạn”.

Nguồn: Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 5, tháng 5-2011.

Chú thích :

(1) Thế Nguyên tên thật là Trần Gia Thoại, sinh năm 1942 tại Nam Định, mất năm 1989 tại TP. Hồ Chí Minh, nguyên là giám đốc nhà xuất bản Trình bày, chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí *Trình bày*, nhật báo *Làm dân*; thư ký toà soạn các tạp chí *Đất nước*, *Nghiên cứu văn học* ở Sài Gòn trước 1975. Tác phẩm đã công bố: *Hồi chuông tắt lửa*, *Nuôi con nhơn tình*, *Từ dưới vực sâu*, *Nghĩ gì* (hai tập, ký bút danh Trần Trọng Phủ), *Cho một ngày mai mơ ước*.

(2), (9), (10), (11), (12), (13), (17) Thế Nguyên: *Hồi chuông tắt lửa*, in lần thứ ba, NXB Trình bày, Sài Gòn, 1969, tr.8, 107, 34, 28, 35, 36, 96. Có tham khảo bản in *Hồi chuông tắt lửa* trên tập san *Văn*, số 6, Sài Gòn, ngày 15-3-1964.

(3), (5), (8) Trần Thái Đĩnh: *Hiện tượng học là gì?* NXB Hướng mới, Sài Gòn, 1968, tr. 99, 61

(4) Merleau-Ponty: *Phénoménologie de la perception*, Gallimard, Paris, 1945, tr.491.

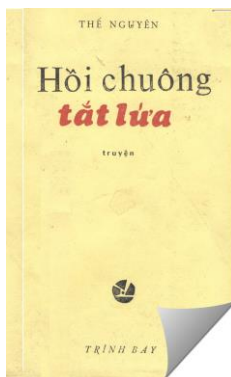
(6) Lê Tôn Nghiêm: *Môi trường tiên nghiệm trong hiện tượng học Husserl về cuối đời*, Tạp chí *Tư tưởng*, bộ mới số 1, Sài Gòn, ngày 01-6-1969, tr.83.

(7) Phạm Công Thiện: *Hiện tượng học về hiện tượng học của Husserl*, Tạp chí *Tư tưởng*, bộ mới số 1, Sài Gòn, ngày 01-6-1969, tr.24.

(14), (15), (16) Nguyễn Văn Trung: *Hồi chuông tắt lửa*, trong sách *Nhận định*, tập VI, NXB Nam sơn, Sài Gòn, 1972, tr.267, 268. Bài viết này đã từng được NXB Nam sơn in kèm theo sách *Hồi chuông tắt lửa* để “thanh minh” cho Thế Nguyên.

(18) Thế Nguyên: *Nghĩ về “văn chương hiện sinh” hay là tính chất “si-nốp-bít” của xã hội miền Nam*, Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 6, Sài Gòn, 1968, tr.85.

Hồi chuông tắt lửa



Buổi trưa hôm sau lúc tan giờ học, tôi khoan khoái trở về nhà định bụng sẽ làm một giấc cho đến tối. Vì ngày mai là ngày kỉ niệm Chúa chịu chết, thường lệ trường tôi được nghỉ. Hơn nữa

theo lời yêu cầu của mấy thầy già xứ, cha T. cho bọn học trò nghỉ thêm một buổi chiều nay để chúng dọn mình xưng tội rước lễ trong tuần Thánh. Cơm nước xong, tôi lên giường vừa chợp mắt được một lát thì thằng Ánh vào đánh thức tôi dậy. Cha T. cần hội giáo viên ở phòng khách nhà xứ. Tôi khoát tay cho thằng Ánh trở về ngồi dậy mặc quần áo mà không khỏi cảm thấy băn khoăn về cuộc gặp gỡ sắp tới. Vì lẽ ra, cả buổi chiều nay cha T. bận việc thiêng liêng không còn thể dư thì giờ để giải quyết một chuyện gì khác. Nhất là qua lời thằng Ánh, buổi họp chỉ còn có thêm cô giáo và anh K. chứ ngoài ra nó không thấy được cha T. cần dặn phải mời thêm một số thầy nào nữa.

Khi tôi bước vào căn phòng khách nhà xứ thì đã thấy cô giáo và anh K. ở đấy. Cha T. giơ tay tỏ ý mời tôi ngồi xuống chiếc ghế dài cùng chỗ với anh K. Cô giáo ngược mắt nhìn tôi rất nhanh rồi lại cúi xuống. Tôi mời các thầy và cô tới đây vì một lời tố cáo quan trọng. Cha T. đưa mắt nhìn khắp chúng tôi. Trong khi cha nói, một ngón tay trở của cha gõ gõ xuống mặt bàn theo từng nhịp nhẹ. Có người đã gửi cho tôi lá thư này, cha giơ lá thư lên cho chúng tôi thấy, tố cáo một chuyện không thể tưởng tượng được xảy ra giữa các giáo viên của trường, cha nói tiếp. Mọi người vẫn im lặng. Đột nhiên cha T. há hăm nhìn thẳng vào mặt tôi, họ tố cáo thầy với cô giáo làm chuyện ô uế tại xứ này. Tôi bàng hoàng như người bị dội một gáo nước thật lạnh, sao lại có chuyện như thế được, tôi nghe thầy K. và cô giáo đã đính hôn. Như chỉ đợi có thế, anh K. nhếch miệng cười vênh mặt nhìn tôi, tại sao lại không có thể xảy ra được. Nếu có đủ bằng cứ tôi đệ đơn xin từ chức. Tôi buột miệng và chờ đợi phản ứng của cô giáo, nhưng cô vẫn nín thinh. Căn phòng đột nhiên im lặng, như một thứ im lặng giả tạo đè chiu lên đầu mỗi người. Tôi không muốn các thầy tranh luận ở đây, cha T. bật lên nói, lá thư này là một lời cảnh cáo không thể bỏ qua, mặc dù nó không đưa ra đủ bằng cứ, mặc dù nó lại là của một kẻ nặc danh. Anh K. cướp lời, của một kẻ nặc danh hèn nhất. Cha T. sững sờ nhìn anh, tôi cũng mong như thế... Anh K. cười gằn đứng dậy, không, chính cha mới là kẻ hèn nhất. Không dám đọc lên cho mọi người nghe, cha lại còn định bỏ qua lá thư đó bằng một lời cảnh tỉnh đạo đức giả vờ. Kẻ bị tố cáo trong thư cũng là kẻ hèn nhất. Nó bị vạch mặt nạ đạo đức lại còn lên mặt đòi bằng cứ. Nó tưởng một cái đơn từ chức có thể bôi mờ được chuyện tồi bại... Tôi và cha T. cùng đứng dậy một lượt, K. dẫn giọng nói tiếp, cái không khí này làm tôi nghẹt thở. Cô (anh chỉ vào cô giáo), cô giáo kia chỉ là một nạn nhân khốn nạn. Cách đây ít lâu tôi có đem lòng yêu mến cô, vì tưởng rằng sẽ gặp được một người vợ đẹp mẹ hiền... Nhưng cô không phải là hạng người như tôi tưởng. Tôi không bao giờ tin vào lời đồn thổi, nhưng lâu dần rồi tôi cũng phải thấy lòng tin tưởng của tôi đối với cô bắt đầu lung lay. Những sự kiện khiến tôi hoài nghi tấm lòng thành thực của cô là lá thư gửi cho ông... (K. nhìn tôi rồi rút túi lấy lá thư của cô giáo đặt lên mặt bàn) và cuốn nhật ký này (anh lôi trong ngực áo ra một cuốn sổ nhỏ bọc vải đen có in chữ vàng ở gáy, trong lúc cha T. đứng sững nhìn K., tôi khoanh tay ngó ngang cô giáo).

Cô vẫn điềm nhiên ngược mắt nhìn lên K. Anh hấp tấp lật mấy trang đã đánh dấu sẵn bằng mấy mảnh giấy báo, đọc to) *“Cha không bao giờ tiết lộ sự bí mật của đời con. Sự bí mật đó thuộc vào phần mà cha sẽ mang theo xuống mộ. Chỉ có Cha mới rõ sau này. Con phải hiểu rằng Ánh cần có một người cha. Riêng cha, đối với nó đã có hết sức uốn nắn. Nhưng cha nghĩ dầu sao, ở tuổi ấy nó cũng vẫn cần có một mái nhà, một mái nhà khác hơn hiện tại với tình thương mến của con”*. K. lật sang đoạn khác. *“Cha cầu Chúa cho con mở mắt để nhìn ra sự thật. Một sự thật có thể làm biến đổi cả đời con. Mặc dầu cha vẫn nhớ tới bản phận và lời thề hứa trước mặt Chúa là bảo toàn danh dự cho con. Kh. ơi! Cha muốn cho con can đảm nhận lấy phần việc của mình. Cha mong ước con trở lại đường lối quang minh mà Chúa đã vạch ra. Nếu lia Ánh, cha cũng sẽ hết sức đau lòng. Nhưng sự đau khổ sẽ dẫn ta tới Chúa, nếu tâm hồn ta biết đón nhận cùng một lượt sự đau khổ đó và ơn Chúa. Hơn nữa, dầu sao người ấy cũng đã thành thật yêu con. Cha nghĩ là có lẽ không còn dịp may nào hơn để con thoát khỏi một tình trạng hiểm nghèo”*.

Anh K. gấp quyển sổ lại nhìn cha T. ngay từ phút đầu, nhận thấy sự vồn vã của cha đối với dự định hỏi cô giáo của tôi, tôi đã lấy làm lạ. Nhưng bây giờ, bây giờ thì tôi đã hiểu rõ ràng tại sao cha lại có thái độ ân cần vồn vã, vì... thằng Ánh là con của cha với cô giáo!

Như một tiếng sét, tôi bàng hoàng đưa mắt nhìn cha T. và cô giáo. Cha T. cúi đầu lằm bằm điều gì, giọng cha hơi run vọng tới tai tôi không rõ, nhưng tuyệt không có lấy một cử chỉ, một dáng vẻ gì giải thích sự xúc động cả. Cô giáo kêu lên hai tiếng “trời ơi” rồi đưa hai tay bùm chặt lấy mặt, gục đầu xuống.

Anh K. đặt quyển sổ xuống bàn gay gắt. Từ nay, tôi xin phép gọi cha bằng ông. Vâng... Ông. Ông không thể xứng đáng với bộ y phục nhà tu kia nữa. Ông đã bao dung một đứa đàn bà xảo trá, dâm loạn. Ông còn cả gan coi thường dư luận khi nhận thằng Ánh làm con nuôi (K. quay sang cô giáo). Còn cô, tôi cần nói ngay với cô là tất cả những dự định xây dựng của tôi đối với cô, từ giờ phút này kể như không còn nữa. Cô Khanh! Vâng, tên thật của cô là Lê Khanh chứ không phải cái tên Thanh giả hiệu kia. Làm gì mà cô phải đổi cái tên mỉa miêu ấy, nếu không phải là đã hơn một lần cô bán rẻ nó. Làm gì mà cô phải lưu lạc xứ người, nếu chẳng vì để khỏi nghe những lời nguyên rủa... Trong lúc K. dừng lại lấy hơi, cha T. giữ nét mặt bình thản. Còn cô giáo vẫn cúi đầu như chờ đợi. Chờ đợi gì? Mọi người im lặng như chịu đựng. Không dè trước cái phản ứng thụ động đó K. hùng hổ hơn lên, tất cả các người, các người chỉ là những xác chết, những xác chết thối ttha trong những cái áo quan thếp vàng đẹp đẽ. Các người chỉ là những kẻ đã thối nát đến tận cùng xương tuỷ. Khi con thú bị lột da, hạnh kiểm của các người đáng được nêu ra cho công chúng phỉ nhổ. Cử chỉ của các người thật đáng sỉ nhục.

Trong lúc K. nói, tôi liếc nhìn cha T. với nước da nhạt màu sáp, dáng người cao, gầy, gàn như thấy suốt được, hợp với bộ đồ đen mặc trên mình, nó khiến cha có vẻ thuộc hẳn về giáo hội, về cái thế giới âm u hãm mình đánh tội của thời xa xưa. Tới khi K. ngừng lại, cha T. mới chậm rãi ngẩng đầu lên đôi người đắm trong một lớp sương mù, như thể một lúc vừa chịu ơn thánh sủng. Những ngón tay cha đặt trên bàn chầm chầm như một loài ốc. Mọi người im lặng. Trong ánh mắt cha T. một tia sáng bắt đầu xuất hiện nhưng mờ hồ như vẫn còn một phần sương mù bao phủ. Đột nhiên, cặp môi cha mấp máy, giọng chầm và nhỏ như muốn để chính mình có đủ thì giờ nghiền ngẫm. “Chúa đã phán *không ai có quyền xét xử ai, nếu không muốn bị xét xử*. Riêng cha không những cha xét xử, không tự biện hộ cho mình. Cha còn xin Chúa tha tội cho con, tha tội cho chúng ta, tất cả”. Giọng nói cha T. nhỏ dần và sau cùng chỉ còn thoảng nhẹ như hơi thở. Anh K. bỏ ra ngoài để lại cuốn nhật ký và lá thư trên bàn. Cha T. ngáp ngừng một lúc, nhìn tôi và cô giáo rất nhanh rồi cúi nhặt cuốn nhật ký. Cha ra khỏi phòng khách thì cô giáo ngẩng đầu lên. Tôi với lấy lá thư lại gần nắm tay cô giáo, thôi, về đi em. Cô giáo vịn vào tay tôi đứng lên như một người ốm chưa khỏi hẳn. Tôi ngược đầu lên, tầm mắt chạm vào tượng Thánh giá lủng lẳng trên tường. Một cơn lốc cuốn bụi mịn mù ngoài sân trống.

Khi chúng tôi bước ra tới cửa, thằng Ánh đang ngồi dưới một cụm hoa loay hoay với với đôi săng đan của nó. Đôi săng đan mà sau này tôi mới rõ là K. đã cho Ánh khi nhờ nó lấy trộm cuốn nhật ký của cha T. Ánh trông thấy chúng tôi thì chột dạ, dúi vội đôi săng đan vào một bụng cỏ rồi chạy ra đẩy cổng. Lúc bấy giờ trời đã ngã chiều. Ánh nắng nhuộm vàng mái tóc thằng bé. Cô giáo dừng lại một giây xoa đầu Ánh dịu dàng.

Tôi đưa chân cô giáo về tới nhà, lúc quay trở lại nhà trọ trời đã tối sẫm. Từ các “giong” trên, từng đám người đổ ra kéo nhau đi về phía nhà nguyện dự lễ Rửa chân. Tôi vào nhà cơm nước qua loa rồi lên giường nằm lạng nhưng không sao ngủ được. Chừng hai ba tiếng đồng hồ sau tôi vừa thiếp đi thì nghe tiếng động nhẹ nhẹ như tiếng gõ cửa. Rồi có tiếng gọi lúc đầu thì nhỏ sau to dần. Tôi ngồi nhòm dậy vịn bác đèn lên cao. Ánh đèn khiến tôi hơi rức mắt. Anh K. đã

đứng ở đầu giường tôi tự lúc nào. Ngó thấy anh tôi kinh ngạc đưa tay dụi mắt. Anh K. thấy dáng điệu của tôi như vậy thì nhún vai sè hai tay trước mặt với một vẻ thiếu não vô cùng. “Chúng nó” gặp nhau rồi anh ơi! Tôi ngồi thẳng dậy đưa mắt nhìn anh, “chúng nó” là ai? Thì cô giáo của anh với thằng “khôn nạn”. Nghe anh K. nói, tôi giật bắn người buột miệng, cha T.? Anh K. lắc đầu thờ dài buông phịch người xuống một chiếc ghế. Bóng anh che khuất một mảng ánh sáng hắt lên vách chập chờn. Anh kể, hồi tối tôi có việc, đi ngang qua nhà cô giáo. Tới trước nhà cô, tôi chợt thấy một cái bóng đen cao lớn đang vén cái màn màn lên. Nó đứng chắn ánh đèn nên tôi không nhìn rõ mặt. Tôi thoáng nghe tiếng cô giáo rú lên nho nhỏ. Cái màn màn buông xuống, người khách lạ đã bước vào trong nhà. Tò mò, tôi vội chạy lại nép sát vào bức vách nghe ngóng. Ông còn về đây làm gì? Em đừng sợ, tôi hiện bị bọn kháng chiến truy tầm, nên phải về đây nhờ cha T. giúp cách vượt qua sông vào Tề, tôi muốn lại thăm em lần chót. Tôi không muốn nhìn thấy mặt ông nữa. Nhưng còn đứa bé, dầu sao tôi cũng là cha nó. Tôi tưởng ông làm cha nó lúc này đã quá muộn, nó đã có một người cha và không cần sự can thiệp của một người như ông; chuyện cũ đã qua, xin ông đừng đến quấy rầy một tâm hồn đã ghé thăm ông nữa. Nhưng dù sao cô cũng phải cho tôi biết tên nó là gì? Không thấy tiếng trả lời.

Bỗng tôi nghe có một tiếng xô ghế, rồi người đàn ông ấy bước ra hấp tấp. Tay ông vén cái màn màn lên khiến tôi nhìn rõ cô giáo đang ngồi quay lưng ra phía ngoài. Đột nhiên, tôi thấy người khách bỏ rơi cái màn màn bước trở lại phía cô giáo lẹ hết sức, đến nỗi cái màn màn chưa rơi hẳn xuống, tôi đã thấy cô giáo quay phắt lại, khuôn mặt bừng bừng. Tôi hoảng sợ định la lên nhưng lại thôi, tiến lại gần hé cái màn màn thấy người khách lạ chính là ông M. vừa trở lại làng này lúc chiều qua và hiện ở trong nhà xứ đã xô cô giáo xuống chân ghế. Ông ta lặp lại, tên nó là gì? Cô giáo vẫn im lặng. Bất chợt, hai tay ông vung ra xiết chặt lấy chiếc cổ trắng nõn của cô. Cô giáo ú ớ một hồi, cuối cùng tôi nghe thấy cô nhắc đến tên thằng “Ánh”. Người đàn ông buông tay ra, cô đưa một bàn tay lên xoa cổ, mái tóc buông rũ che khuất một bên mặt. Mắt bên trái cô mở rộng mà như bất động. Trong một phút tôi nhìn cô không chớp như thể bị con mắt đó thôi miên. Rồi không rõ có phải vì nhìn thấy tôi hay không, cô lịm đi ngã hẳn xuống chân ghế đầu ngoẹo sang một bên. Trong lúc ông M. hấp tấp chạy tới, tôi mới vội vàng bỏ về đây...

Trong lúc anh K. kể chuyện, tôi đi lại trong cái bóng tối dày đặc sau lưng anh. Tới lúc anh ngừng lại, tôi còn nghe rõ những tiếng lẩm bẫm của chính mình “vô lý! Ông M. mà là cái bóng đen đằng sau nhà bệnh?”. K. quay lại nhìn tôi, một đường viền ánh sáng bọc quanh làn má phính của anh. Anh nói sao? Tôi chợt dạ quay lại, ánh sáng hắt vào thái dương khiến tôi đưa tay lên vuốt tóc, không. Tôi lắc đầu mấy cái liền. Anh K. ngờ ngác nhìn tôi. Tôi đưa chân anh ra về, anh dừng lại một giây trước cửa tỏ ý hối hận về chuyện không hay xảy ra hồi chiều. Mùi hoa móng rồng nồng nặc khiến tôi hắt hơi ở bạo cửa. Chân tôi vấp phải thành gỗ nhẵn nhụi mà lạnh buốt. Khi anh K. đi xa rồi, tôi quay vào giường nằm lại nhưng chỉ được một lát, hình như tôi vùng dậy mặc vội quần áo quyết định đi tìm cô giáo. Tôi nhớ có tiếng gió bên tai thổi vù vù và từng tiếng động trong đêm đều ngừng cả lại khi chân tôi tiến tới. Tóc xoả bờm xờm rũ trên trán trên mắt tôi và mỗi khi tôi hé miệng lấy hơi, một chút lạnh lùa vào rồi lại phà ra ngay theo cùng hơi thở. Đến trước nhà cô giáo, tôi nhớ mình dừng lại. Bên trong đèn đóm tối om, khung cửa mờ mờ ẩn hiện trong cái bóng trắng mỗi lúc càng như nhọn nhọn hơn lên. Hình như tôi đứng lại một lúc khá lâu, sau cùng buồn rầu đưa tay ngắt một nụ ngọc lan bỏ vào túi áo trước khi quay gót trở về.

Qua khu vườn muỗm, thỉnh thoảng tôi chợt thấy một bóng đen từ phía nhà xứ đi ra. Cái bóng ấy lừng lững tiến lại phía tôi hết sức chậm chạp. Mà lạ thay, lúc đó tôi có cảm tưởng là đôi chân người ấy vẫn đứng nguyên một chỗ, duy có đất dưới chân ông chuyển động. Cảm giác này khiến tôi sợ hãi đến nghẹt thở. Tôi vúi chặt lấy một cành muỗm, muốn bỏ chạy nhưng cố hết sức toàn thân cũng không thể nào nhúc nhích được. Cho tới khi một vạt áo thâm chùng phớt ngang mặt, tôi mới hoàn hồn nhận ra ông Bô Khương và nép sát người vào gốc muỗm. Tôi như

bị bao vây bởi một màn lưới âm thanh dai dẳng, đều đều toát ra từ muôn gốc cỏ. Đi qua tôi chừng chục thước, ông Bô Khương chợt ngừng lại. Qua làn sương mỏng, tôi thấy bóng ông lay động và càng mỗi lúc tôi càng như bị thu hút bởi cái bóng ấy. Hình như có một cái gì toát ra lạnh lẽo tuyệt vọng bắt tôi rùng mình đến ớn lạnh cả xương sống. Ngay lúc đó, các tiếng động chung quanh im bật. Cả cái màn lưới âm thanh dày đặc kia cũng không còn dai dẳng nữa. Tôi như bị úp chụp bởi một không gian đóng kín, tách biệt với thế giới bên ngoài. Rồi đột nhiên tôi giật mình nhận ra một giọng nói thoảng nhẹ bên tai. Một giọng nói mà đến bây giờ tôi cũng không dám chắc, có hẳn là của ông Bô Khương; vì tôi có cảm tưởng đây không phải là tiếng nói của thế gian này, mà là như vọng lại từ một khoảng trời cao nào đó. Tôi như bị mê hoặc đi trong cái âm thanh kỳ lạ kia cho tới khi bừng dậy, nhận ra mình vẫn đứng bên gốc muỗm, hai vai áo ướt sũng và qua làn sương mỏng, tôi thấy bóng ông Bô Khương mờ dần rồi khuất hẳn sau nhà xứ. Lối mòn tôi đi đột nhiên vượt hẳn lên giữa một mặt phẳng âm thanh mỗi lúc càng như thẫm sâu xuống mãi...

Khi tôi mở mắt dậy, căn buồng đã lờ mờ sáng, thứ ánh sáng nhợt nhạt đầu ngày. Tôi chớp mắt nhìn vào trong nhà. Người lão bộc đang bùm miệng thổi tắt ngọn lửa trong cái thông phong đèn. Ánh lửa bùng lên thật cao rồi phụt tắt. Lão thấy tôi còn oằn người trên bèo cửa thì ngưng nói, tôi thấy thầy đương ngon giấc nên không dám đánh thức. Tôi nằm đây đã lâu chưa, tôi lồm cồm bò dậy hỏi. Người lão bộc lắc đầu, tôi cũng không được rõ, gần sáng lúc tôi tỉnh dậy thấy trên nhà vẫn còn để đèn nên mới chạy lên.

Khi tiếng chân của người lão bộc đã nhỏ dần ở vườn sau, tôi còn đứng sững ở cạnh bàn, tay nắm lấy cái thông phong đèn, lúc lắc đầu thật mạnh như vừa tan một cơn ảo mộng. Tôi nhớ tới nụ hoa ngọc lan mà trong giấc mơ đã ngất ở trước cửa nhà cô giáo, bất giác đưa tay sờ túi thì đột nhiên tôi giật bắn người vì nó vẫn nằm ở đây. Tôi bàng hoàng sống trong một cảm giác thực hư lẫn lộn, không sao phân biệt được nữa...

Ngay lúc ấy, tôi nghe có tiếng lao xao ngoài lộ rồi qua khung cửa mở, một đám chừng bảy, tám đứa học trò lớn thủ vai quân Du Dâu, mặt mũi bôi nhọ gớm ghiếc, đang diễn lại một cuộc lung bắt Chúa Cứu Thế. Tiếng xích sắt, tiếng gậy gộc trong tay chúng chạm vào nhau loảng xoảng trong khi chạy. Âm thanh xa dần và sau cùng chỉ còn thoảng nhẹ như hơi gió. Tôi quay vào nhà mặc vội quần áo mà thực ra cũng không rõ là định đi đâu cả.

Qua khu nhà nguyện, tôi nghe có tiếng thầy già xứ đọc sách Thánh từ phía trong vọng ra, "*Khi ấy Chúa bảo hai ông Maisen và Aaron ở Ai Cập rằng, tháng này là tháng thứ nhất trong năm, tháng thứ nhất trong mọi tháng. Hãy bảo cho toàn dân biết rằng: Ngày thứ mười trong tháng này, mỗi họ và mỗi nhà phải chọn một con chiên. Nếu trong nhà không có đủ người để ăn, thì hãy mời thêm những người lân cận nhất, đủ để ăn. Phải chọn con chiên đực, trong sạch, được một năm. Các người cũng có thể thay thế bằng một con dê đủ điều kiện như thế. Hãy giữ nó cho đến ngày mười bốn tháng này và tất cả dân chúng Israel sẽ hiến dâng nó vào buổi chiều. Hãy lấy máu nó bôi trên hai cánh cửa và xà ngang của nhà có người ăn. Trong đêm ấy, hãy ăn thịt nướng với bánh không men và rau rùng. Đừng ăn sống hoặc luộc, nhưng nướng. Hãy ăn tất cả đầu, chân và bộ lòng. Không được để thừa đến sáng mai. Nếu còn thừa thì hãy đốt đi. Đây là cách thức phải giữ trong khi ăn: Hãy thắt lưng, chân xỏ giày và tay cầm gậy. Hãy ăn vội vã vì là ngày vượt qua, ngày Chúa vượt qua...*" (*).

Trên không, bầu trời nhợt nhạt một màu trắng đục hơi buồn. Tiếng thầy già xứ từ phía sau nhỏ dần rồi thôi, không còn đuổi tới. Ngang nhà cô giáo tôi để ý nhìn vào. Không một cánh cửa nào hé mở. Có lẽ cô đang còn ở nhà thờ. Một nụ ngọc lan nằm tênh hênh trên mặt đất. Tôi quay trở

lại. Hai bên đường, lá tre lay động. Một con chim nhỏ rũ cánh bay đi làm vẩn trong giầy lát lán không khí yên tĩnh chung quanh.

Khi tôi bước vào, nhà thờ lạnh lẽo đượm một màu tang. Thánh giá phủ bằng khăn tím. Cô giáo quỳ ở hàng ghế thứ ba kế bên chiếc bồn chứa đầy hoa xoan và nả. Trong Cung Thánh, cha T. vừa cử hành xong lễ mở khăn và đang trao tượng Chúa cho hai người giúp việc đứng ở nền trước bàn thờ. Bóng anh K. giơ rộng hai tay trên gác chuông sửa soạn giữ phần cho hội hát. Cha T. cời giấy, xuống tới trước Thánh giá. Ngay lúc đó tiếng hát vang lên. Cha cúi hôn chân Chúa. Điệu trầm xuống, xuống sâu tới mãi, *Pópule méus, quid féci tibi? Aut in qou contristàvi te? Respónde mihi* (1). Đột nhiên tôi thoáng len một chút rung mình. Hai người giúp lễ đã đưa tượng Thánh giá xuống đặt ở chiếc bồn ngang với hàng ghế của cô giáo. *Quia eduxi te de tèrra AEgypti: Parásti Crúcem Salvatóri túo* (2). Cô giáo đứng dậy rời hàng ghế tiến lên Cung Thánh, ánh sáng nhuộm đầy mái tóc vắn trần. Tôi lặng lẽ cúi đầu đi ra. Mùi hoa xoan nồng nặc trong không. Bên kia hồ sen, bọn học trò lớn vây bọc chung quanh ông Bô Khương và đang tiến về phía nhà xứ. Tiếng xích sắt kéo lê trên mặt đường nghe như một chuỗi dài hạt nước.

Buổi trưa trong lúc dọn cơm, đột nhiên người lão bộc dừng tay lại nhìn tôi, chiều nay thầy có ra xem xử án? Tôi ngỡ ngác không hiểu. Lão nói tiếp, xử án Bô Khương. Tôi nghĩ đó là một phần mới thêm thắt vào chương trình ngày lễ, mỉm cười lắc đầu. Người lão bộc như đoán được ý nghĩ của tôi, lão trợn mắt, chuyện thực đó thầy. Cha T. nhất định sẽ hành tội hấn. Tôi gất lên, sao lại có thể vô lý như thế được? Không ai xét xử một người điên. Thầy không tin sao, lão nói giọng có vẻ bực mình, buổi sáng Bô Khương vào chợ ăn cắp cam của một bà già bán hàng. Mấy đứa học trò đang thủ vai Du Dâu đùa bắt giữ trình cha. Thừa thầy, dè đâu cha T. nổi giận. Người bảo dậu sao Bô Khương cũng mang vết tích của người truyền giáo. Vết tích của một nhục nhã nhất trên đời, tôi cướp lời lão và chợt nhận ra cái vô lý tưởng không thể nào có được. Người lão bộc đứng nhìn tôi, một chút sau lão âm thầm bước qua khung cửa ăn ra vườn sau. Bầu trời ẩm ướt. Gió đông đưa mấy cái gọng vó ở lều con Hạnh.

Sau giấc ngủ trưa mệt nhọc tôi ra tới nơi, đám người đi xem đã đứng đông đặc cả cái sân cỏ phía sau nhà nguyện. Tôi đưa mắt tìm cô giáo, không thấy đâu cả nhưng con Hạnh thì đang đứng lẫn trong đám người ở làng bên. Một vài người có con em theo học trong trường thấy tôi đi qua ngã mũ chào, một số người khác ngồi xếp bằng ngay trên thảm cỏ. Chiếc áo thâm chùng đã cởi ra vắt gọn ghề ở vai. Trên mấy bậc cấp nhà thờ, một hàng ghế dựa được xếp ngay ngắn theo hình cung, nhưng cha T. và các quan khách thì chưa thấy tới. Đám người bu quanh vẫn ồn ào bàn tán sôi nổi. Một số người bỏ ra rửa chân ở cái ao con đang trước nhà thờ. Vài người khác lơ đãng ngửa mặt ngó lên cây gạo coi lũ chim làm tổ. Tôi nghe mấy người chung quanh nói loáng thoáng là đâu như bữa nay còn có cả gã chủ tịch UBND xã bên tới dự. Vài thanh niên công giáo nghe tin này tỏ vẻ bất mãn vô cùng. Nhưng những người theo phe kháng chiến tới xem thì coi bộ hài lòng ra mặt. Khi tôi quay lại nhìn về phía con Hạnh, bắt gặp mấy gã du kích đóng đồn nơi cửa sông lớn vờn chung quanh nó. Con Hạnh cũng đã trông thấy tôi, nó nheo mắt mỉm cười. Ngay lúc ấy một hồi trống vang lên. Tiếng ồn ào bỗng ngưng im bật. Không ai bảo ai, mọi người đều ngẩng lên nhìn cả về phía thềm nhà nguyện. Cha T. đã ngồi vào ghế giữa, kế bên là gã chủ tịch và mấy vị tai mắt trong làng. Thế rồi đột nhiên những tiếng xì xào lại nổi dậy, trước nhỏ sau to dần. Từ một chiếc cửa nhỏ ở mé bên phải nhà nguyện, bố Khản hiện ra cùng với ông Bô Khương. Tôi để ý nhìn và chợt rõ hai cổ tay ông bị trói chặt vào nhau về phía trước. Bố Khản bước lên vài bước, nhưng ông Bô Khương thì vẫn đứng nguyên ở bậu cửa, cặp môi nhếch ra hé cười. Mãi đến khi bố dừng lại giơ tay vẫy, ông mới lững thững tiến lên, bước từng bước khó khăn lạch lạch như bị sai khiến bởi một sức vô hình trong khi cặp mắt mở to. Và tất cả mọi nét trên gương mặt ông hoàn toàn bất động, không thuyên giảm. Tôi lách đám đông định vòng qua bên hông nhà thờ để nhìn cho rõ, vì cả bố Khản lẫn ông Bô Khương

bước ra tới giữa bậc thềm đều đã xoay lưng lại. Khi tôi chen tới bên ngoài, tiến lên được vài bước thì thấy bóng thằng Ánh từ phía cổng nhà xứ chạy vụt ra về phía nhà cô giáo. Dáng điệu của nó khiến tôi nghi ngờ hết sức. Tôi quay lại nhìn con Hạnh vừa lúc nó cũng đang nhón nhác đưa mắt tìm tôi. Tôi rời bóng nó bước đuổi theo thằng Ánh.

Được một quãng, ngó trở lại, con Hạnh đang lách mình qua mấy gã du kích để chạy về phía tôi. Một gã loạng choạng suýt ngã vì bị người nó va vào trong khi đang đứng bắt chéo chân trên sân cỏ. Tôi quay lại, bóng thằng Ánh nhẩy chân sáo vừa khuất tại một khúc rẽ ở “giòng” trên. Chân tôi bước mau tưởng chừng như chạy. Khi chỉ còn cách nhà cô giáo một đoạn ngắn, tôi thấy bóng thằng Ánh xô cửa bước vào. Gió thổi nhẹ và lác đác từng hạt mưa nhỏ phủ vào mặt tôi. Tới sát nhà cô giáo đột nhiên chân tôi dừng hẳn lại vì một tiếng động lớn từ trong nhà vọng ra, mà hình như là tiếng ghé đồ. Mưa bắt đầu nặng hạt lộp độp nhỏ vào mấy tàu chuối trên đầu, tôi thoáng nghe tiếng cô giáo hét ra với vẻ giận dữ, đến bây giờ tôi mới hiểu rõ, thì ra chỉ vì những nhóp đang dè nặng trên đầu ông, chỉ vì muốn bọn chó săn lãng đi trong chốc lát sự có mặt của ông ở làng này mà một kẻ vô tội như gã thầy già điên kia phải chịu nhục hình... Giờ đây hẳn à ông toại nguyện. Tôi đoán chắc linh hồn chị Agnès lẫn cả người bạn gái của tôi đã rộng lòng tha thứ cho ông. Nhưng riêng tôi, tôi không muốn nhìn thấy bộ mặt ghê tởm của ông nữa. Bây giờ, đồ đã sẵn sàng rời bến. Ông còn đợi chờ gì? Nhưng xin ông hiểu cho rằng thằng Ánh là của tôi, của riêng tôi thôi. Không ai có quyền giữ nó, ông đi đi!

Đột nhiên tôi nghe tiếng thằng Ánh hét lên rồi ông M. từ trong nhà bước ra, hất mạnh cái màn cửa, lôi thằng Ánh chạy vụt về phía bến đò. Tôi rời bụi chuối bước vội vào nhà. Cô giáo đang gục đầu trên bàn thờ dốc, mớ tóc xoã phủ đàng trước che khuất hẳn khuôn mặt. Nhác thấy tôi, cô chồm dậy. Tôi dang tay ra, vừa kịp đỡ thân hình cô đổ tới. Mắt cô giáo khép lại. Tôi vỗ vỗ vỗ nhẹ vào một bên má cô. Cô giáo tỉnh lại. Tôi kéo cô chạy đuổi theo thằng Ánh. Đường láng như bôi mỡ, tóc cô xoải tung bay dài về phía sau. Qua khỏi nghĩa địa, cô trượt chân ngã chúi. Bóng ông M. và thằng Ánh ở phía trước mờ mờ qua làn mưa dày đặc. Tôi chụm hai tay vào miệng gọi tên thằng Ánh. Tiếng tôi bật về phía sau. Tôi quay lại chìa tay về phía cô giáo. Cô chống một tay trên mặt đất còn một tay giơ lên với lấy. Tôi kéo cô giáo lên. Qua mớ tóc rối của cô, tôi nhìn thấy bóng một gã du kích đang đuổi theo con Hạnh ở khúc rẽ chúng tôi vừa qua. Tôi hốt hoảng quay lại, nắm chặt tay cô giáo kéo đi thật mạnh. Gần tới bến đò, con Hạnh đuổi kịp chúng tôi. Bóng ông M. và thằng Ánh vừa lọt khỏi mũi thuyền. Con đò tròn thành tách bến. Cô giáo đứng vịn vào vai tôi đưa tay áo lên chạm mi mắt. Ngay lúc đó, một tiếng “đoàng” vang dậy. Người lái đò hốt hoảng cúi rạp xuống mạn thuyền bỏ rơi con sào. Tôi quay lại, người du kích hạ súng lạng đứng nhìn con thuyền dần dần ra khỏi tầm đạn, trôi theo dòng nước. Tôi nhận ra nó chính là đứa bị con Hạnh xô phải trong sân cỏ.

Đột nhiên có tiếng cô giáo kêu lên. Con đò đang đi từ từ quay mũi trở lại. Tôi đưa tay vuốt vội mớ tóc rũ sũng nước trên trán. Gã du kích từ phía sau tiến lên vài bước. Con đò chuệnh choạng ghé sát vào bờ. Bóng ông M. hiện ra đờng trước mũi thuyền, hai tay bồng thằng Ánh. Con Hạnh rú khẽ. Tôi nhìn rõ một vết máu đang chảy dài trên ngực áo ông. Cô giáo vùng chạy tới, chúng tôi theo sau. Riêng có gã du kích vẫn đứng nguyên hờm sững. Ông M. đã bước lên bờ, chiếc đầu thằng Ánh rũ xuống một bên cánh tay. Da mặt nó xám ngắt và nơi ngực, máu đỏ lôm loang một khoảng lớn. Cô giáo nhìn thằng Ánh rồi bật khóc nức nở. Ông M. nét mặt buồn rầu. Gã du kích đứng sang một bên nhường lối cho chúng tôi qua. Mưa vẫn rơi đều đặn. Nước róc rách chảy trong một lòng cống qua đường. Tất cả như một đám rước, đi ngược bờ đê tiến về phía nhà thờ. Những bụi cây hai bên đường bắt đầu sẫm lại. Hơi nóng từ trong người tôi bùng bùng thấm qua làn vải ướt. Vài người trên đường ngo ngoác nhìn chúng tôi đi qua.

Khi chúng tôi về tới cửa nhà nguyện, cuộc phụng vụ vừa xong. Cha T. quì lại sau hồi chuông tắt lửa. Bóng bố Khản lên khênh chụp cái bù đài lên từng ngọn nến. Ánh sáng leo lét nhỏ dần, chặt đôi gương mặt bố. Mọi người lục tục rời hàng ghế. Khi thấy chúng tôi, họ dừng cả lại đứng

như bất động. Ngay lúc ấy một làn chớp loé lên. Bóng ông Bô Khương vụt hiện ra rất nhanh ngoài sân cỏ, mang hình ảnh cứu chuộc thể thảm trên đỉnh đồi Golgotha đồng thời với một tiếng sét kinh hoàng. Tôi run rẩy bấu chặt tay vào bờ tường nhìn xác thẳng Ánh xám ngắt loạng choạng trên tay ông M. Đầu cô giáo gục xuống, gương mặt hoàn toàn nằm trong bóng tối. Dư âm tiếng sét còn lại vang rền. Tôi nghe chừng cả một khoảng trời cao vừa sụp đổ.

Tháng VIII, MCMLXIII

(trích phần cuối tập truyện Hồi Chuông Tắt Lửa, Nxb Nam Sơn, Sài Gòn ngày 21.2.1964. Một phần của tập truyện này đã xuất hiện trên Văn số 6 ngày 15-10-1964 chủ đề tuyển tập những cây bút trẻ)

(*) Theo Cựu ước, lễ ăn thịt chiên là để kỷ niệm ngày giải phóng dân Israel ra khỏi ách nô lệ Ai Cập. ĐAùng khác, việc hiến dâng còn mang ý nghĩa như một sự Cứu Chuộc, một bí tích: mọi tội ác của người ta sẽ đổ lên đầu con chiên đực trong sạch kia và khi con vật được thiêu huỷ đi, nó mang theo luôn tất cả những vết tích như bản đó. (Chú thích của nhà xuất bản)

(1) Dân ta hỡi, Ta đã tìm gì cho ngươi? Hoặc ta đã làm phiền lòng ngươi điều gì? Hãy trả lời cho Ta hay. (2) Phải chăng vì Ta đã đưa ngươi ra khỏi đất Ai Cập: Nên Thập ác ngươi dành cho đáng cứu ngươi.

Nguồn: Ấn Thư Quán

Thế Nguyên: Con ách chuồng của phong trào

“Văn chương dân thân”

Du Tử Lê

Trong ghi nhận của tôi thì, thời điểm từ 1965 tới 1975, bên cạnh những mùa gặt sung mãn về sách dịch các loại, là sự rộ nở tới mức độ “choáng ngợp” của các khuynh hướng văn chương đối nghịch nhau.

Thời điểm đó, một số bằng hữu của tôi, dứt khoát chủ trương văn chương phải chống cộng, phải có bom rơi, đạn nổ, phải phân định rạch ròi ta / địch...mới là...văn chương thú vị, mới phản ảnh trung thực tinh thần “trách nhiệm của người cầm bút;” hay tinh thần “quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”... Phần còn lại, chỉ là những kẻ “trùm mền,” những nhà văn thành phố...Một số bằng hữu khác của tôi, lại cổ súy dòng văn chương hiện sinh. Vì học thuyết này cho rằng cuộc đời vốn phi lý, bế tắc, vô nghĩa, rất đáng...buồn nơn. Đối nghịch với dòng văn chương tạm gọi là “tuyển đầu, lửa đạn” là dòng văn chương chống chiến tranh. Những người cuồng nhiệt với khuynh hướng văn chương “giải giới” hay, “giã từ vũ khí” cho rằng, đó mới thực sự là nhà văn...tiến bộ.

Cùng lúc đó, một số khác lại phát cao ngọn cờ, phải “giải phóng” văn chương để văn chương hăm hở, sôi sục bước vào thế giới tình dục, như một “chân trời chói lọi mới!” Đối nghịch với khuynh hướng này, là dòng văn chương chủ trương “thơ mộng / lãng mạn” muôn năm...

Bay lượn vật vờ giữa những dòng văn chương vừa kể, là khuynh hướng chủ trương “tiểu thuyết mới,” (dù thực tế đã...cũ; đã bị lãng quên ngay tại nơi sinh ra là Paris;) hoặc khuynh hướng thiên tả, tôn giáo, hư vô; hoặc hơn hờ, rung đùi với chủ tâm khai thác hình thức bậc thang, hình thể zíc zắc, méo, tròn, nón lá, giày dép...

Điều đáng nói là dù bạn thuộc khuynh hướng nào cũng đều được “welcome.”

Bạn chủ trương văn chương chống cộng ư? – Tốt quá chứ! Bạn chủ trương văn chương chống chiến tranh ư? - Chúc mừng bạn! Bạn chủ trương văn chương không thể rời xa khỏi ...chiếc giường? - “Mới” lắm! Bạn chủ trương văn chương thiên tả? - “Tiên tiến” đấy ... Nghĩa là dù bạn có chủ trương hay, cổ súy cho khuynh hướng văn chương nào chẳng nữa thì, cũng không bị ai làm phiền, quấy rầy. Bước ra đường, nếu bạn có gặp những nhà văn ở các khuynh hướng đối nghịch thì, vẫn là anh em. Không vì thế mà có sự mặt nặng mày nhẹ. Quá lắm, thì bạn tránh đến những chỗ được coi là nơi thường xuyên lui tới của các nhà văn không “hợp khẩu vị” với bạn. Thí dụ nhóm Sáng Tạo chọn phòng trà “Đêm Mầu Hồng” ở đường Tự Do (của cố nhạc sĩ Phạm Đình Chương) làm nơi họp mặt thường xuyên. Nhóm tạp chí Văn thường gặp nhau ở quán Cái Chua. Nhóm Bách Khoa (gồm các nhà văn công chức, tả / hữu đều huề) ít khi “xuống đường.” Họ chọn tòa soạn Bách Khoa ở đường Phan Đình Phùng làm nơi “tọa đàm.” Nhóm Trình Bày (tòa soạn ở đường Lý Thái Tổ) chọn phố Tàu Bay, cũng nằm trên đường Lý Thái Tổ để “đóng đô” vân vân... Mỗi khu, mỗi vùng, mặc nhiên thuộc về một nhóm, hay một khuynh hướng. Do đó, hiếm khi có vụ “lạc đạn” vì đi lộn chỗ.

Nói như thế, không có nghĩa trong 20 năm sinh hoạt văn học miền Nam Việt Nam, không có những đụng độ, va chạm giữa nhà văn này với nhà văn khác. Nhưng tất cả mọi “va chạm” nếu có, đều giới hạn trong lãnh vực văn chương, học thuật, với tinh thần tự chế, đầy tương kính

Tôi thí dụ như giữa nhà văn Trần Phong Giao và nhà báo Lê Phương Chi, từng có một thời gian lời qua tiếng lại, khi trên tờ Tin Sách, ông Lê Phương Chi cho đăng một bài điểm sách “nặng tay” về tác phẩm “Ngồi Lại Bên Cầu” của Trần Phong Giao. Nhưng sự lên tiếng bên vực quan điểm của mình, giữa hai bên, đều dựa trên nội dung tác phẩm, chứ không hề đi vào đời tư, với những lời lẽ hơi “bị” thiếu văn hóa. Nó càng không hề có màn thoả mái...“tặng mũ cho nhau,” như ta thấy nhan nhản, nhiều năm qua, ở hải ngoại. Sau này, hai ông trở thành bạn tâm giao của nhau, tính tới ngày họ Trần qua đời. (1). Cũng thế, giữa thi sĩ Nguyễn Sa và Phạm Công Thiện, từng có lúc bất đồng quan điểm về một khía cạnh triết học. Hai ông từng viết bài nêu rõ quan điểm của mình; với lý luận, lời lẽ rất trí thức.

Sau biến cố tháng 4-1975, khi nghe tin nguyên tỳ kheo Phạm Công Thiện nhập thất nhiều tháng, ở chùa Việt Nam, Los Angeles, của cố Đại lão Hòa thượng Thích mãn Giác, thi sĩ Nguyễn Sa đã có bài thơ tuyệt vời - - Nhan đề “Nói chuyện phải quấy với Phạm Công Thiện;” sau được viết ngắn lại, thành “Nói chuyện với Phạm Công Thiện.”

Toàn thể bài thơ có 5 khổ, tôi xin trích 2 khổ, như sau:

“Người vào tịnh thất sống ba năm
“Cát tiếng không lời để nói năng
“Buổi sáng thình không chiều tới chậm
“Tiền kiếp chen vô cạnh chỗ nằm.
(.....)
“Dưới bóng tường im, giữa nhạc không
“Đời đang phía trước bỗng mưng lung
“Thơ như hữu thể mà vô thể
“Có cũng xong, mà không cũng xong...” (2)

(Qua bài thơ này, tôi nghĩ, khó có thể có một bài tỏ tương kính nào, đẹp dễ hơn.)
Những điều viết lại trên của tôi, chỉ với mục đích dẫn đến ghi nhận một biến cố văn học (nếu có thể nói được như vậy,) đó là:

Tạp chí Đất Nước số 2, đề tháng 10 năm 1967; chủ đề “VĂN NGHỆ THEO ĐUÔI” - - Nhan phụ: “Rời Bỏ Nền Văn Chương Trú Ẩn, Theo Đuôi Triết Học Hiện Sinh Và Những Người Cầm Bút Ở Miền Nam,” như một kiểu “tuyên ngôn” văn chương / chính trị hay một vạch phân quyết liệt phân ranh hai khuynh hướng văn chương “Viễn Mơ và Dấn Thân.”



Đất Nước số 2 của Thế Nguyên đã bắt ngờ “đoạn bào,” cắt áo, cắt tình bằng hữu bao nhiêu năm, đánh “trực diện” nhóm Sáng Tạo (bị coi như cổ súy, “phát tán” khuynh hướng văn chương Viễn Mơ mà, người bị nêu đích danh là nhà văn Mai Thảo.

Tôi dùng chữ “đoạn bào” vì tạp chí Đất Nước, do Giáo sư Nguyễn Văn Trung (bút hiệu Hoàng Thái Linh,) đứng tên Chủ Nhiệm, từng cộng tác mật thiết với tạp chí Sáng Tạo ở những số đầu tiên, ngay khi ông mới về Saigon từ Bỉ - - Chưa kể một số cộng tác viên của Đất Nước cũng là chỗ quen biết hoặc, có giao tình với chủ nhiệm Sáng Tạo.

Qua những bài báo trên Đất Nước nhiều số sau đó, người đọc hiểu rằng, nhà văn Thế Nguyên, tác giả truyện dài “Hồi Chuông Tắt Lửa,” (3) nhốt chung một giỏ, tất cả những khuynh hướng văn chương nào, không chủ trương chống chiến tranh, đòi hòa bình cho miền Nam, vào một tên gọi “Văn chương Viễn Mơ.” Mà, người đứng đầu nỗ lực “phát tán,” cổ súy cho chủ trương này, không ai khác hơn là nhà văn Mai Thảo, khởi sự từ tờ Sáng Tạo, những năm giữa thập niên 1950.

Như tôi đã viết, tháng 10 năm 1967, Thế Nguyên phát hành tạp chí Đất Nước, số 2, khởi đăng loạt bài mở đầu cuộc kết án những người chủ trương văn chương “Viễn Mơ” mà, nhà văn Mai Thảo, bị coi là “thủ lĩnh đại ca” của phong trào này. Một tháng sau, tức tháng 11, nhà xuất bản Trình bày của Thế Nguyên (4,) xuất bản tuyển tập thơ / văn bằng Pháp ngữ, nhan đề “Le Crépuscule De La Violence - Poèmes, Nouvelles Témoignages D'une Guerre” - - Theo thứ tự in nơi bìa sách, gồm các tác giả: Diễm Châu, Lê Tấn Hữu, Thái Lãng, Du Tử Lê, Đặng Thành Miến, Thế Nguyên, Thế Phong, Nguyễn Quốc Thái, Tạ Quang Trung, Thảo Trường. Phần chuyển ngữ do Nguyễn Ngọc Lan (Linh mục,) và Lê Hảo (tức Lê Văn Hảo, nhân chủng học,) đảm trách.

Khi tuyển tập này ra đời khoảng hơn tuần, một buổi trưa Mai Thảo rủ tôi đi ăn ở quán Ngọc Hương(?) nằm trên đường Gia Long (gần Tòa soạn nhật báo Sống.) Giữa bữa ăn, bắt ngờ ông kể, ông mới đọc tuyển tập “Le Crépuscule De La Violence,” và, hỏi: “Thế Nguyên có hỏi Lê trước khi xuất bản không?”

Tôi đáp, không. Lát sau, nhớ lại, tôi nói:

“Cách đây vài tháng, Thế Nguyên có thông báo cho tôi biết rằng Hảo-Dân-Tộc-Học (5,) có chọn một bài thơ của tôi, để dịch sang tiếng Pháp. Còn vụ in thì, tôi chỉ biết sau khi sách đã phát hành.” Rồi, tôi hỏi ngược lại:

“Có chuyện gì không anh?”

Mai Thảo lắc đầu. Ông trầm ngâm - - Cầm lên, bỏ xuống ly rượu cognac, nhìn mông đường phố. Tôi khá quen thuộc với những giây phút im lặng của ông. Tuy nhiên, nếu có những khoảng khắc im lặng êm đềm thì, đôi khi, giữa chúng tôi, cũng có những khoảng khắc im lặng nặng nề, thất, xiết. Và, câu hỏi bất ngờ của ông, đã ném ra những giây phút im lặng thất, xiết ấy. (Dù thường xuyên theo dõi mọi sinh hoạt văn nghệ của nhau, nhưng rất họa hiếm chúng tôi đề cập tới chuyện văn chương, chữ, nghĩa.)

Tôi biết, tôi có nhiều việc làm, Mai Thảo không đồng ý. Thí dụ, tôi hay đưa bài của anh em nhờ chuyển cho ông, thời gian ông phụ trách bài vở cho Vấn Đề và, Văn. Trong số bài tôi đưa, có không ít tác giả khiến ông nhăn mặt. Hoặc, tôi giao du thân thiết với một số người mà, họ từng lên tiếng đả kích ông. Nhưng chưa lần nào, ông nói ra, sự không hài lòng kia. Ngay cả những khi tôi nổi khùng, viết xuống những bài thơ mang tính chống chiến tranh! (Mà, bài thơ “Có gì đâu” của tôi, Lê Văn Hảo chọn dịch, là một thí dụ) - - Ông cũng im lặng. Cùng lắm, ông chỉ nói gần, xa rằng, ông thích thơ tình của tôi, hơn những loại khác.

Tôi tin ông hiểu, đó là những giây phút tôi phản ứng một cách tự nhiên trước những cái chết của bằng hữu, người thân, quanh tôi.

Thời gian đó, tôi phục vụ tại Cục Tâm Lý Chiến, ở Saigon. Tôi nghĩ đơn giản, sau khi làm tròn bổn phận của người lính, tôi được quyền sống, suy nghĩ, rung động theo nhịp đập riêng của trái tim mình. Tôi nhớ, gần như tất cả thời gian tự cho phép sống riêng cho mình đó, tôi đã hăm hở đuổi theo những chùm bóng tình yêu bí nhiệm, phía trước. Tôi đã chìm, nổi hực hơi, bơi theo tiếng gọi của những con sóng đam mê cấp bảy, cấp tám, chân trời.

Thời đó, chẳng biết có phải vì ám ảnh về cái chết, có thể xảy đến bất cứ lúc nào hay không, mà, dường tôi rất ít suy nghĩ về tương quan giữa văn chương và, thời thế. Chưa một lần trong tôi, hiện lên, một cách nghiêm chỉnh, câu hỏi phải chọn lựa giữa văn chương “viễn mơ,” và “dấn thân.” Tôi như một người mù, để cảm hứng cầm tay, dắt đi.

Thời đó, một số bằng hữu của tôi, ở Saigon, ư a cất tiếng (lập lại,) những câu hỏi rất thời thượng; đại để “Viết cái gì? Viết cho ai? Viết thế nào?...” của Jean Paul Sartre, trong “Văn Chương Là Gì?” phổ biến từ năm 1947! Hay “tiên tiến” hơn nữa, thì họ nói về phong trào “tiểu thuyết mới” (nở rộ ở Pháp, từ giữa thập niên 1950, với truyện của Alain Robber Grillet, Nathalie Sarraute, Claude Simon...; kịch của Beckett, Ionesco, Adamov... Cứ như thế, chỉ một sớm một chiều thôi, các bạn tôi sẽ thành những “Phù Đổng Thiên Vương” hồ “biển” những quả đồi văn chương Việt Nam thành những ngọn núi, cao ngang tầm thế giới...!

Tôi đứng bên lề. Tôi nằm ngoài “nỗ lực” này. Tôi như người mù, để cảm xúc đời thường, với những nhiệt hứng cháy đỏ, dắt tay đi. Tôi sống hối hả tới độ không có thì giờ đọc lại bản thảo của mình. Tạp chí A., hỏi thơ? Tôi hỏi mấy ngày nữa, phải đưa? Tạp chí B., hỏi truyện? Tôi hứa, sẽ có trong vòng một tuần...

Hôm nay, nhìn lại, tôi nghĩ phải chăng, thuở đó, tôi đã sống ích kỷ? Thiếu trách nhiệm? Thiếu trách nhiệm ngay với cuộc chơi văn chương của mình?(6)

Điều may là miền Nam đã cho tôi (cho các bạn tôi,) cái tự do cá nhân, phơi phới ấy.(7)

Trở lại với Mai Thảo, cuối cùng, tựa không thể nín lặng lâu hơn, ông nói:

“Có người cho tôi tờ Đất Nước số 2. Tôi ngạc nhiên! Lê biết mà, đã bao giờ tôi viết bài đề cập “văn chương viễn mơ” đâu! Hà có gì Thế Nguyên lại đổ cho tôi là người chủ trương, người làm công việc ấy?...”

Lấy một ngón tay khua động những viên đá trong ly rượu (như vuốt ve niềm thân thiết, nỗi âu yếm rất mực, của mình,) Mai Thảo tiếp:

“Nhưng tôi buồn hơn cả, không phải vì những bài viết trong số báo đó. Mà, Đất Nước do Nguyễn Văn Trung đứng chủ nhiệm. Lê có nhớ Nguyễn Văn Trung với bút hiệu Hoàng Thái Linh, là người đầu tiên và, cũng là người viết nhiều bài nhất về ‘văn chương hiện sinh’ cho Sáng Tạo?”

“Vâng. Tôi biết.” Tôi nói, như một cố gắng dư thừa, điền khuyết một khoảng trống!

Cả tôi và Mai Thảo, ngày đó, đều không rõ “ngòi nổ” của vụ Thế Nguyên lớn tiếng kết án chủ trương “văn chương viễn mơ,” xuất phát từ đâu?

Mãi sau này, gần đây, ở hải ngoại, khi đọc cuốn “Trong Dòng Cảm Thức Văn Học Miền Nam – Nhận Định Thi Ca Hải Ngoại” (8) của nhà thơ, kiêm nghiên cứu văn học Trần Văn Nam, tôi mới vỡ lẽ ra rằng, “ngòi nổ” đó, từ một bài viết của Trần Văn Nam, in trong tạp chí Vấn Đề, số 7, năm 1967, nhan đề “Văn chương tìm về viễn mơ hay hiện thực.”

Trong sách của mình, nơi 469, họ Trần viết:

“Riêng bài ‘Văn chương tìm về Viễn Mơ hay Hiện Thực,’ đăng trong tạp chí Vấn Đề đã được nhà văn Thế Nguyên trích ra dẫn chứng viết phản bác trong tiểu luận ‘Văn chương trước những mưu đồ bất chính của hệ thống chiến tranh lạnh’, trích ra nhưng không đề tên người viết Trần Văn Nam, và cũng không biết rõ đây chỉ là bài viết có tính cách cá nhân tùy hứng. Sau năm 1975, giáo sư Trần Hữu Tá sưu tầm lại bài ấy của Thế Nguyên, do đó cũng không ghi tên người viết Trần Văn Nam (xin xem cuốn ‘Nhìn Lại Một Chặng Đường Văn Học’ của G.S. Trần Hữu Tá, dày 1090 trang, xuất bản trong nước, năm 2000.” (9)

Tưởng cũng nên nhấn mạnh rằng, thời gian đó, nhà văn Mai Thảo là Thư ký tòa soạn Vấn Đề; Vũ Khắc Khoan, chủ nhiệm. Tòa soạn đặt trong khuôn viên Đại học Vạn Hạnh, đường Trương Minh Giảng, Saigon.

Tôi không biết sau tôi, nhà văn Mai Thảo có nói với ai khác, về việc ông bị “khép tội” chủ trương phong trào văn chương “viễn mơ”? Với tôi thì không. Sau lần nói chuyện với nhau ở tiệm cơm Ngọc Hương, đường Gia Long, Mai Thảo dường đã quên, chuyện ấy. Tôi nói, Mai Thảo quên hay không đề cập nữa, vì, sau bài “Văn chương trước những mưu đồ bất chính của hệ thống chiến tranh lạnh,” Thế Nguyên và các bạn ông, tiếp tục “triển khai” trận đánh với cường độ “oanh kích” ngày một gia tăng bom, đạn....

Một trong những bài viết được phổ biến trên tạp chí Đất Nước, cũng đã tố cáo tác giả “Người đàn bà trong vòng đai trắng” là người nhận tiền trợ cấp từ một bộ phận phụ trách văn hóa thuộc tòa đại sứ Hoa Kỳ, ở Saigon, để xuất bản tờ Sáng Tạo. Nhóm Sáng Tạo cũng bị lên án là theo đuổi “chủ nghĩa độc đảng!” Xóa bỏ quá khứ. Khoanh vùng. Và, chỉ “suy tôn” nhau mà thôi.

Tuy có phương tiện trong tay, cũng như nếu cần, có thể sẽ có nhiều diễn đàn bạn, sẵn sàng “nhập cuộc” để bênh vực mình; nhưng Mai Thảo đã chọn thái độ thản nhiên, im lặng. Theo tôi, đây là một trong những cung cách ứng xử mà, Mai Thảo đã giữ được suốt đời mình. Chưa bao giờ tôi thấy ông dùng ngòi bút để phản bác hay, tấn công một nhà văn. Ông quan niệm, chữ nghĩa không phải là những mũi dao dùng để đâm anh em, ngay khi phải tự vệ... Quan niệm đó, đã làm thành một nhân cách lớn. Nhân cách Mai Thảo.

Là người khởi xướng một cuộc...“chiến tranh lạnh” trên địa bàn văn học, với ba tờ tạp chí và, một nhà xuất bản (với hàng trăm tác phẩm ấn hành trong một khoảng thời gian tương đối

gắn,) Thế Nguyên đã nhận được sự tiếp tay, cộng tác của khá nhiều văn nghệ sĩ, trí thức thuộc nhiều thành phần, nhiều khuynh hướng...

Không phải tất cả những người đến với Thế Nguyên, đều hoàn toàn đồng ý với chủ trương, quan điểm của hai tạp chí Đất Nước, Nghiên Cứu Văn Học và, bán nguyệt san Trinh Bày... Nhưng, họ đến, nhiều phần vì cá nhân Thế Nguyên, và một vài thành viên nòng cốt khác của ông - - Như giáo sư Nguyễn Văn Trung; linh mục Thanh Lãng, (Chủ nhiệm tạp chí Nghiên Cứu Văn Học;) Diễm Châu, (Tổng thư ký,) Nguyễn Quốc Thái (Thư ký) tòa soạn Trinh Bày.

Về những tác giả thành danh cộng tác với Thế Nguyên, chúng ta có thể kể: Nguyên Sa, Thảo Trường, Đỗ Long Vân, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần Thái Đình, Lê Tôn Nghiêm... Lớp mới, có Hoàng Ngọc Biên, Lê Văn Hảo, Lữ Phương, Nguyễn Trọng Văn, Thái Lãng... Và, dĩ nhiên, Thế Nguyên là nơi "tìm về," là một "địa chỉ hoa" của những cây bút trẻ, chủ trương "dấn thân" (Đông nghĩa với chống chiến tranh, đòi hòa bình cho đất nước!)

Về tính cách cá nhân thì, dù không phải đi lính vì lý do gia cảnh, nhưng Thế Nguyên vẫn tứ thời hót tóc "đầu đinh / ba phân." Người mỏng; mắt hơi lồi; nụ cười hờ hợt; quần, áo lèng xèng; quanh năm đi dép; phong cách công nhân hơn một nhà văn (hay một nhà vận động chính trị,) Thế Nguyên đã mang lại cho những người tiếp xúc với ông, (ngay lần đầu,) cái cảm giác gần gũi, tin cậy. Chóng vánh. (10)

Với ánh mắt ân cần, với điệu thuốc gần như lúc nào cũng trên tay, Thế Nguyên thuộc loại người một tháng chưa dùng hết một bao diêm-quẹt, (chỉ tốn 1 cây diêm-quẹt đầu ngày?) Ông có thể lắng nghe bạn nói nhiều giờ, không mệt mỏi... Chưa kể, một khi đã là bằng hữu, Thế Nguyên thường tỏ ra rất quan tâm tới đời sống riêng, thói, tật của bạn. Ông luôn cho người đối thoại với ông, cảm tưởng ông là người dễ thỏa hiệp, thậm chí, dễ thuyết phục. Sự thực, ngược lại. Ở những lãnh vực thuộc về niềm tin, lý tưởng thì, ông thuộc loại cực đoan. Dứt khoát. Tàn nhẫn, nếu cần. Tôi nghĩ, ông có nhiều hơn, một con người, trong một con người. (11)

Dù Thế Nguyên có bao nhiêu con người, trong một con người thì, với tôi, những đóng góp của ông ở phương diện báo chí, văn chương, vẫn là những đóng góp đáng kể. Với sự tiếp tay của nhiều người, ông đã khai mở một dòng chảy mới, cho văn chương miền Nam, từ giữa thập niên 1960. Một dòng văn chương sôi sục đối kháng.

Đặc biệt, với bằng hiệu nhà xuất bản Trinh Bày, qua một số dịch giả khác nhau, ông đã giới thiệu với độc giả miền Nam, những nét đặc thù của văn chương Nhật Bản (như tiểu thuyết của Kawabata;) văn chương Đại Hàn (như truyện của Richard Kim) và, nhất là thi ca của những tác giả thuộc khối thứ ba, thời đó, tương đối còn xa lạ với người Việt, đa phần, do nhà thơ Diễm Châu chuyển ngữ.

Ngay cả khi những tiết lộ mới đây, của tác giả Lữ Phương về Thế Nguyên, trong hồi ký nhan đề "Lữ Phương, Những chuyến ra đi," (12,) có là sự thật, thì, tôi vẫn thấy, tôi gần với ghi nhận của thi sĩ Nguyên Sa về Thế Nguyên. Tác giả "Áo lụa Hà Đông" thấy con người Thế Nguyên là một...tu sĩ. Một kẻ giang hồ! Muốn "thế thiên hành đạo." (13)

Chỉ tiếc, Thế Nguyên mất sớm. Ông từ trần tại Saigon, ngày 15 tháng 8 năm 1989, ở tuổi 48.

Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái, một trong vài bạn văn thân thiết với Thế Nguyên, còn ở lại Saigon, sau biến cố 30 tháng 4-75, kể rằng, một buổi chiều rảnh rỗi, tác giả "Hồi chuông tắt lửa" dùng dao cắt (hay khoét bỏ) một mụn cóc ở chân. Lưỡi dao bị nhiễm độc mà, ông không biết. Đêm đó, ông lên cơn sốt. Nghĩ, không quan trọng. "Cũng thường thôi!" Nhưng qua hôm sau, ông bị

co giật với những cơn sốt trên 40 độ C. Người nhà cầu cứu Nguyễn Quốc Thái. Họ Nguyễn chạy đến, đưa ông vào bệnh viện.

Trên giường bệnh, lúc tỉnh táo, linh cảm rằng mình đã bước rất gần cõi chết, ông bảo bạn: “Chậm rãi! Thái ạ.”

Đúng vậy! Nguyễn Quốc Thái nói, chứng phong đòn gánh (tetanus,) không phải là một chứng bệnh gì khó chữa. Nhưng thời gian đó, Saigon gần như thiếu tất cả mọi thứ thuốc! Bác sĩ giỏi mấy cũng... “bó tay!”

Nguyễn Quốc Thái kể thêm: “Dù sao thì tôi vẫn tin rằng, cuối cùng, Thế Nguyên đã ra đi trong thanh thản. Trước giờ bạn đi, tôi đã mời được cha đến làm phép xức dầu, xưng tội, giải tội... cùng mọi nghi thức tôn giáo khác...”

Tính đến hôm nay, nhà văn Thế Nguyên từ trần đúng 20 năm. Nó cũng tương đương với 20 năm văn học miền Nam. Nền văn học đã đem đến cho ông những ngày tuổi trẻ “nhập đồng.” Những ngày tuổi trẻ rực rỡ chữ và, nghĩa. Đường và, lối. Tin và, tưởng... Nhưng, cũng kể từ 20 năm sau cái chết, ở thế giới khác, tôi không biết ông nghĩ gì về cái chết lãng nhách. Cái chết cũng phi lý như cuộc chiến tranh đố đầu giữa hai ý thức hệ... Tôi cũng không biết, ông có nghiệm ra rằng, nhiệt tâm của một nhà văn như ông, dù “dấn thân” đến đâu, rất ráo, thực tế đã phủ phàng, cho thấy: Nó cũng giống như một loại... “viễn mơ,” mà thôi!

Và, trong chừng mực nào đó, nếu có cơ hội nhìn lại, tôi nghĩ, ông không thể phủ nhận rằng, miền Nam đã cho ông, cho các bạn ông, cho chúng ta, những người cầm bút, số tự do đủ, để được sống như một nhà văn, với những suy nghĩ, cảm nhận, hành động... Nhưng phải chăng, đôi khi, chúng ta đã lạm dụng nó, một cách vô trách nhiệm??

Calif. May 21. 2009

Chú Thích:

(1) Đọc thêm “Trần Phong Giao, Người gác cổng văn học, tạp chí Văn,” kỳ thứ 2, nhật báo Người Việt, California, số đề ngày Thứ Năm 16 tháng 4-2009.

(2) Đọc “Thơ Nguyên Sa Toàn Tập,” trang 191, Đồi xuất bản, California, 2000.

(3) “Hồi Chuông Tất Lửa” của nhà văn Thế Nguyên được tái bản nhiều lần. Nội dung tác phẩm khiến nhiều Ky-tô-hữu thuần thành, phải lên án sau khi đọc. Cùng với LM Nguyễn Ngọc Lan, LM Chân Tín, các giáo sư Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, ông được xếp vào thành phần “Công giáo cấp tiến.”

(4) Nhà xuất bản Trình Bày ra đời cùng lúc với tạp chí Đất Nước. Nhưng tạp chí Trình Bày thì mãi tới ngày 1 tháng 8 năm 1970, mới phát hành số 1.

5) Anh em nhóm Trình Bày quen gọi T.S. Lê Văn Hào là Hào-Nhân-chủng-học, để phân biệt với Hào-Kinh-tế, tức T.S. Nguyễn Văn Hào, có thời làm Phó Thủ tướng, đặc trách kinh tế. Cũng như anh em quen gọi Trung Nguyễn và, Trung Lý, để phân biệt Nguyễn Văn Trung và, Lý Chánh Trung, cả hai đều là giáo sư.

(6) Trong một gặp gỡ tình cờ tại nhà cựu Thiếu tá Lê Hùng, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 341, Tiểu khu Bình Tuy, tôi thổ lộ với Lữ Quỳnh, sự nhìn lại của mình. Không ngờ, ông cho biết, ông cũng có những tâm cảnh, như tôi.

(7) Nếu không ở miền Nam thì, khi Giáo sư Lê Văn Hào, trở thành Thị trưởng Huế, trong những ngày CS chiếm giữ hồi Tết Mậu Thân, 1968; sau rút “lên núi,” chắc chắn tôi đã bị cơ quan an ninh kêu “làm việc” hay “giải trình” một ngày. Chỉ bởi vì ông chọn dịch thơ tôi sang tiếng Pháp. Dù cho tôi có gân cổ giải thích, tôi không hề quen biết ông, cũng chẳng ai tin! Tương tự, nếu Thế Nguyên và, một số bạn ông trong nhóm Trình Bày, (như G.S. Trần Tuấn Nhậm,) nếu không ở miền Nam, các ông cũng sẽ không thể “vô tư” kêu gọi chống chiến tranh, đòi hòa bình, như

đã từng. Tôi nhớ Trần Tuấn Nhậm, đầu thập niên 1970, ứng cử chức vụ Dân Biểu, tại Saigon, với khẩu hiệu “Chống Mỹ Cứu Nước”... Tuy không đắc cử, nhưng ông cũng không bị một cơ quan an ninh nào bắt ông phải “giải trình” gì hết.

(8) Trần Văn Nam, “Trong dòng cảm thức...,” California, Hoa Kỳ, 2006, tr. 465.

(9) Sđd.

(10): Thế Nguyên là bút hiệu của Trần Gia Thoại, sinh năm 1942, tại Nghĩa Hưng, Hà Nam Ninh. (Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái cho biết, Thế Nguyên sinh năm 1941.) Theo gia đình di cư vào Nam, năm 1954, ông tốt nghiệp Cán sự Công chánh (cùng khóa với nhà thơ Phan Lạc Giang Đông;) phục vụ tại Cục Công Binh, đường Nguyễn Tri Phương, đối diện Nhà thờ Dòng Đồng Tiến, Saigon. Thế Nguyên được miễn dịch vì là con trai duy nhất.

(11): Nguyễn Sa, “Hồi Ký,” Đồi xuất bản, Calif., Hoa Kỳ, 1998. Tr. 167.

(12): Lữ Phương, Hồi ký “Những chuyến ra đi;” www.daohieu.com, đề mục chung: “Lề bên trái.”

&&&

Trích đoạn trong bài viết *Trần Phong Giao, người gác cửa văn học, tạp chí Văn ...*

(Du Tử Lê)



Tôi không biết sau tôi (Du Tử Lê), nhà văn Mai Thảo có nói với ai khác, về việc ông bị “khép tội” chủ trương phong trào văn chương “viễn mơ”? Với tôi thì không. Sau lần nói chuyện với nhau ở tiệm cơm Ngọc Hương, đường Gia Long, Mai Thảo dường đã quên, chuyện ấy. Tôi nói, Mai Thảo quên hay không đề cập nữa, vì, sau bài “Văn chương trước những mưu đồ bất chính của hệ thống chiến tranh lạnh...”

”Thế Nguyên và các bạn ông, tiếp tục “triển khai” trận đánh với cường độ “oanh kích” ngày một gia tăng bom, đạn...”

Một trong những bài viết được phổ biến trên tạp chí Đất Nước, cũng đã tố cáo tác giả “Người đàn bà trong vòng đai trắng” là người nhận tiền trợ cấp từ một bộ phận phụ trách văn hóa thuộc tòa đại sứ Hoa Kỳ, ở Saigon, để xuất bản tờ Sáng Tạo. Nhóm Sáng Tạo cũng bị lên án là theo đuổi “chủ nghĩa độc đảng!” Xóa bỏ quá khứ. Khoanh vùng. Và, chỉ “suy tôn” nhau mà thôi.

Tuy có phương tiện trong tay, cũng như nếu cần, có thể sẽ có nhiều diễn đàn bạn, sẵn sàng “nhập cuộc” để bênh vực mình; nhưng Mai Thảo đã chọn thái độ thản nhiên, im lặng. Theo tôi, đây là một trong những cung cách ứng xử mà, Mai Thảo đã giữ được suốt đời mình. Chưa bao giờ tôi thấy ông dùng ngòi bút để phản bác hay, tấn công một nhà văn. Ông quan niệm, chữ nghĩa không phải là những mũi dao dùng để đâm anh em, ngay khi phải tự vệ... Quan niệm đó, đã làm thành một nhân cách lớn. Nhân cách Mai Thảo.

Là người khởi xướng một cuộc... “chiến tranh lạnh” trên địa bàn văn học, với ba tờ tạp chí và, một nhà xuất bản (với hàng trăm tác phẩm ấn hành trong một khoảng thời gian tương đối ngắn,) Thế Nguyên đã nhận được sự tiếp tay, cộng tác của khá nhiều văn nghệ sĩ, trí thức thuộc nhiều thành phần, nhiều khuynh hướng...

Không phải tất cả những người đến với Thế Nguyên, đều hoàn toàn đồng ý với chủ trương, quan điểm của hai tạp chí Đất Nước, Nghiên Cứu Văn Học và, bán nguyệt san Trinh Bày... Nhưng, họ đến, nhiều phần vì cá nhân Thế Nguyên, và một vài thành viên nòng cốt khác của ông - Như giáo sư Nguyễn Văn Trung; Linh Mục Thanh Lăng (chủ nhiệm tạp chí Nghiên Cứu Văn Học); Diễm Châu (tổng thư ký); Nguyễn Quốc Thái (thư ký) tòa soạn Trinh Bày.

Về những tác giả thành danh cộng tác với Thế Nguyên, chúng ta có thể kể:

Nguyên Sa, Thảo Trường, Đỗ Long Vân, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần Thái Đình, Lê Tôn Nghiêm... Lớp mới, có Hoàng Ngọc Biên, Lê Văn Hào, Lữ Phương, Nguyễn Trọng Văn, Thái Lăng... Và, dĩ nhiên, Thế Nguyên là nơi “tìm về,” là một “địa chỉ hoa” của những cây bút trẻ, chủ trương “dấn thân” (Đồng nghĩa với chống chiến tranh, đòi hòa bình cho đất nước!)

Về tính cách cá nhân thì, dù không phải đi lính vì lý do gia cảnh, nhưng Thế Nguyên vẫn tứ thời hớt tóc “đầu đinh/ba phân.” Người mỏng; mắt hơi lồi; nụ cười hở lợi; quần, áo lèng xèng; quanh năm đi dép; phong cách công nhân hơn một nhà văn (hay một nhà vận động chính trị), Thế Nguyên đã mang lại cho những người tiếp xúc với ông, (ngay lần đầu,) cái cảm giác gần gũi, tin cậy. Chóng vánh. (10)

Với ánh mắt ân cần, với điệu thuốc gần như lúc nào cũng trên tay, Thế Nguyên thuộc loại người một tháng chưa dùng hết một bao diêm-quẹt, (chỉ tốn 1 cây diêm-quẹt đầu ngày?) Ông có thể lắng nghe bạn nói nhiều giờ, không mệt mỏi... Chưa kể, một khi đã là bằng hữu, Thế Nguyên thường tỏ ra rất quan tâm tới đời sống riêng, thói, tật của bạn. Ông luôn cho người đối thoại với ông, cảm tưởng ông là người dễ thỏa hiệp, thậm chí, dễ thuyết phục. Sự thực, ngược lại. Ở những lãnh vực thuộc về niềm tin, lý tưởng thì, ông thuộc loại cực đoan. Dứt khoát. Tàn nhẫn, nếu cần. Tôi nghĩ, ông có nhiều hơn, một con người, trong một con người.

Dù Thế Nguyên có bao nhiêu con người, trong một con người thì, với tôi, những đóng góp của ông ở phương diện báo chí, văn chương, vẫn là những đóng góp đáng kể. Với sự tiếp tay của nhiều người, ông đã khai mở một dòng chảy mới, cho văn chương miền Nam, từ giữa thập niên 1960. Một dòng văn chương sôi sục đối kháng.

Đặc biệt, với bằng hiệu nhà xuất bản Trinh Bày, qua một số dịch giả khác nhau, ông đã giới thiệu với độc giả miền Nam, những nét đặc thù của văn chương Nhật Bản (như tiểu thuyết của Kawabata;) văn chương Đại Hàn (như truyện của Richard Kim) và, nhất là thi ca của những tác giả thuộc khối thứ ba, thời đó, tương đối còn xa lạ với người Việt, đa phần, do nhà thơ Diễm Châu chuyển ngữ.

Ngay cả khi những tiết lộ mới đây, của tác giả Lữ Phương về Thế Nguyên, trong hồi ký nhan đề “Lữ Phương, Những chuyến ra đi,” (12) có là sự thật, thì, tôi vẫn thấy, tôi gần với ghi nhận của thi sĩ Nguyên Sa về Thế Nguyên. Tác giả “Áo lụa Hà Đông” thấy con người Thế Nguyên là một... tu sĩ. Một kẻ giang hồ! Muốn “thế thiên hành đạo.”

Chỉ tiếc, Thế Nguyên mất sớm. Ông từ trần tại Sài Gòn, ngày 15 Tháng Tám năm 1989, ở tuổi 48. Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái, một trong vài bạn văn thân thiết với Thế Nguyên, còn ở lại Sài Gòn, sau biến cố 30 Tháng Tư 1975, kể rằng, một buổi chiều rảnh rỗi, tác giả “Hồi chuông tắt lửa” dùng dao cắt (hay khoét bỏ) một mụn cóc ở chân. Lưỡi dao bị nhiễm độc mà, ông không biết. Đêm đó, ông lên cơn sốt. Nghĩ, không quan trọng. “Cũng thường thôi!” Nhưng qua hôm sau, ông bị co giật với những cơn sốt trên 40 độ C. Người nhà cầu cứu Nguyễn Quốc Thái. Họ Nguyễn chạy đến, đưa ông vào bệnh viện.

Trên giường bệnh, lúc tỉnh táo, linh cảm rằng mình đã bước rất gần cõi chết, ông bảo bạn: “Chạm rồi! Thái ạ.”

Đúng vậy! Nguyễn Quốc Thái nói, chứng phong đòn gánh (tetanus,) không phải là một chứng bệnh gì khó chữa. Nhưng thời gian đó, Saigon gần như thiếu tất cả mọi thứ thuốc! Bác sĩ giỏi mấy cũng... “bó tay!”.

Nguyễn Quốc Thái kể thêm:

“Dù sao thì tôi vẫn tin rằng, cuối cùng, Thế Nguyên đã ra đi trong thanh thản. Trước giờ bạn đi, tôi đã mời được cha đến làm phép xức dầu, xưng tội, giải tội... cùng mọi nghi thức tôn giáo khác...”

Tính đến hôm nay, nhà văn Thế Nguyên từ trần đúng 20 năm. Nó cũng tương đương với 20 năm văn học miền Nam. Nền văn học đã đem đến cho ông những ngày tuổi trẻ “nhập đồng.” Những ngày tuổi trẻ rục rịch chữ và, nghĩa. Đường và, lối. Tin và, tưởng...

Nhưng, cũng kể từ 20 năm sau cái chết, ở thế giới khác, tôi không biết ông nghĩ gì về cái chết lãng nhách. Cái chết cũng phi lý như cuộc chiến tranh đối đầu giữa hai ý thức hệ... Tôi cũng không biết, ông có nghiệm ra rằng, nhiệt tâm của một nhà văn như ông, dù “dấn thân” đến đâu, rốt ráo, thực tế đã phủ phàng, cho thấy: Nó cũng giống như một loại... “viễn mơ,” mà thôi! Và, trong chừng mực nào đó, nếu có cơ hội nhìn lại, tôi nghĩ, ông không thể phủ nhận rằng, miền Nam đã cho ông, cho các bạn ông, cho chúng ta, những người cầm bút, số tự do đủ, để được sống như một nhà văn, với những suy nghĩ, cảm nhận, hành động... Nhưng phải chăng, đôi khi, chúng ta đã lạm dụng nó, một cách vô trách nhiệm?!”.

Phụ đính

Thế Nguyên & Nhóm Trình Bày Thế Phong

Có hai người cầm bút trong thập niên 60 ở Saigon cùng có bút danh và tên trùng nhau;

a - "*Thế Nguyên-Trần Gia Thoại*" (1917- ?) viết sách tiểu sử nhân vật như "*Phan Bội Châu*", "*Nguyễn Thái Học*", vv... Tân Việt xuất bản - đến đổi sau này *Cornell Univeristy Libraries* (Volume 6 -G.K. Hall & Co, Boston 1976). không thể phân biệt được Thế Nguyên - Trần Gia Thoại đội tên ngoài thực tế là 2 người khác nhau .

b - Sau hiệp định Genève 20/7/1954, nước Việt Nam chia hai giới tuyến, cuộc di cư hàng triệu người vào Nam, trong đó có gia đình bố mẹ " cậu quý tử độc nhất (*enfant unique*) một gia đình " *phụ gia địch quốc Nam Định*" , và mua nhà tại 291 Lý Thái Tổ (Saigon 10) tới ngày ông bà qua đời tại đây, kể cả " nhà văn *Thế Nguyên -Trần Gia Thoại* ". Cậu quý tử học sinh trường Trung học Trần Lục đã cầm bút rất sớm. Hết thuê "*manchette* báo" (tuần báo *Kỷ nguyên mới*), rồi tự làm giai phẩm "*Văn Mới*" (tạp chí xuất bản không định kỳ, xin phép kiểm duyệt như sách) - chủ một nhà in Bùi Trọng Hựu (150 Võ Tánh, Phú Nhuận) rất yêu văn nghệ, bằng lòng cho in chịu - tới 1970 bắt đầu đứng tên chủ nhiệm tạp chí văn nghệ-*Trình bày*, địa chỉ tòa soạn vẫn đặt tại 291 Lý Thái Tổ, (Saigon 10). Đó là tờ tạp chí văn chương " độc lập tài chính" tầm cỡ ở Saigon khi ấy, khác "*Sáng tạo*", "*Thế kỷ 20*", "*Hiện đại*" phải nhận viện trợ Mỹ hoặc quỹ văn hóa Sở Nghiên cứu chính trị, xã hội/giám đốc Trần Kim Tuyến (*mật thám, an ninh chìm thời tổng thống Ngô Đình Diệm*). Bạn bè vừa là học trò vừa làm văn thơ khi ấy của Thoại là Tiệp (chủ nxb "*Tổ hợp Gió*" in khá nhiều tiểu thuyết nữ sĩ Lệ Hằng (ban đầu ký Cao Nguyên Ngọc), Đinh Trần Nguyễn, Tạ Quang Trung, Phạm Thiên Thư, Phan Lạc Giang Đông, v...v...

Nhưng kẻ phụ tá đắc lực nhất chỉ một Diễm Châu - thi sĩ rất không ưa mang tên thật trên giấy khai sinh là Phạm Văn Rao - bèn rao tin " *thư ký hộ tịch dốt nát ở Hải Phòng viết chính tả sai ấy mà!*". Lúc này Rao đi học, ở nhà với bố mẹ ở 161 Hồng thập Tự, có lối đi sau lên gác, tôi thường hay tới ngủ trọ, khi chưa xoay ra tiền trọ trả chủ nhà. Rao có chụp tôi, qua vài " *pô ảnh*", một tấm y hệt " *văn sĩ thực thụ đang hành nghề*" - tấm này sau được in nơi bìa 4 " *Nhà văn hậu chiến 1950-1956 / Lược sử văn nghệ Việt Nam: 1900- 1956* " (bản tái bản - bìa nâu) - Rao khen: " *đúng là một văn sĩ nhà nghề, nào ai biết cảnh khổ sở này, trốn nợ phải xin ngủ lang ở nhà bạn.?*" Giai đoạn này tôi thường gặp Rao, kể cả lần " *áp tải*" tới Trường Nữ Gia Long thì vấn đáp Tú tài 2 - gặp giám khảo X... .(, *anh ruột người bạn khác, tên Nguyễn Hữu Hưng*-) tôi giới thiệu gián tiếp Rao. - cũng là bạn Hữu Hưng. (*thật ra Rao không biết Nguyễn Hữu Hưng*). Đậu xong, Rao vào học Đại học Sư phạm, tốt nghiệp, rồi qua Huế Kỳ du học, sau làm Giám đốc trung tâm ngoại ngữ thuộc Đại học Bách khoa Saigon, thì phải ?(*tôi không nhớ chính xác, giai đoạn này tôi không còn liên lạc thường xuyên với Phạm Văn Rao-Diễm Châu* .

Khi Trần Gia Thoại trở thành công chức làm ở Khu Tạo tác tại Trại Đào Duy Từ (Phú thọ) - cùng tôi xúc tiến in sách rõ nề ô với tư cách tổng thư ký *Đại Nam văn hiến xuất bản cục*, Khải Triều quản nhiệm (*công khai in phương danh ở bìa 4 sách ô nề ô - hai vị này đều là tín hữu Thiên chúa giáo*). Tôi nhớ mang máng, khoảng đầu 1963, đi làm về, anh ghé tôi, mang theo những trang bản thảo *Hồi chuông tắt lửa* đã viết được trong ngày đưa đọc để góp ý. Đầu đó vài tháng sau, anh đưa tập đánh máy *stencil* bản thảo để tôi đọc và tìm một nhà in rõ nề ô tin cậy ở Hai bà Trưng Tân Định in vào ban đêm cho an toàn - hình như tháng 8/ 1963 phát hành cùng tập thơ " *Miền lưu đầy*" của Ninh Chữ in rõ nề ô. Chủ nhà may CAN - Tạ Văn Ân (tên khai sinh thi sĩ Ninh Chữ) - nhà may lớn tầm cỡ *Chùa* đường Huỳnh Thúc Kháng, Saigon 1 - chuyên may com-lê tổng thống Diệm) - nằm trên số nhà 10 đường Tự Do - đem thơ rõ nề ô mới in tặng *chủ xí ban Tao Đàn- Đình Hùng* (nhân danh CAN, chủ nhà may cất một bộ com-lê tặng tác giả " *Đường vào tình sử*"). Còn Thế Nguyên gửi tôi *Hồi chuông tắt lửa*, nhắc đưa tặng Uyên Thao - trường phòng Kiến thức phổ thông Đài - thì đầu đó, chỉ một 2 ngày, ban *Tao đàn/ chủ xí Đình Hùng* (nhiều thỉnh giả mền mộ, không giống *Thằng phải giớ hay phía* " *tao đàn, nó hát, đểch ai nghe!*" - rồi trên Đài phát bài điểm sách *Hồi chuông tắt lửa- Uyên Thao* khen *cuốn tiểu thuyết hay với cách viết độc đáo của tác giả*. Thế là các " *cha xứ nhà thờ*" thân chế độ họ Ngô, ðùng ðùng phẫn nộ, phản ứng quyết liệt : "... *sao Đài phát thanh quốc gia lại đọc bài viết khen cuốn tiểu thuyết của tên phản động nội ứng V.C. nào đó, dám vu cáo linh mục có con riêng?!*" Dư luận lùm xùm, gây tiếng vang ồn ào, như chưa từng xảy ra - tất nhiên *Đại Nam văn hiến xuất bản cục* không thể không dính chấu" ? Có thể vì vậy, ít ngày sau, nhận được một thư lạ- *tên người đặc biệt* - gửi tới địa chỉ *Đại Nam văn hiến xuất bản cục* - thuê bao tại *Hộp thư 1123 Saigon*. Đó là *Nguyễn văn Trung, 3... Duy Tân, Saigon 3*. Thì ra, ông Trung cậy nhờ tôi sắp xếp cho " *anh ta*" được gặp Thế Nguyên - tác giả một tiểu thuyết *Hồi chuông tắt lửa* rất " *interesting*" có một không hai - thời gian này, vì tôi và " *anh ta*" chưa thể coi nhau là bạn - nên tặc lưỡi : "... *thì cứ đưa thư này cho tác giả, Thế Nguyên sẽ tự quyết định lấy!*".

Vài tháng sau, cuối 1963, chế độ Đệ nhất Cộng hòa bị lật đổ - chứ không - chẳng hiểu" *hậu quả cuốn truyện nói về "cha xứ có con riêng"* - từ tác giả, nhà xuất bản, nhà in rõ nề ô, người viết bài khen *Hồi chuông tắt lửa* sẽ ra sao ? Còn một chuyện lạ nữa, dư luận đặt chuyện *Hồi chuông tắt lửa* chưa chắc đúng là tác giả *Nuôi con non tình* - vì văn phong khác hẳn - luật sư -thi sĩ T.Q.Tr. (*xin được giấu tên*) có sách in trong *Đại nam văn hiến hồi* : "... *em hỏi điều này, nếu anh biết thì phải trả lời thực "Hồi chuông tắt lửa" do Diễm Châu viết, Thế Nguyên ký tên. Có đúng hay không?*". Trả lời:" *Theo tôi biết, trước khi in, mỗi chiều đi làm về, Thế Nguyên mang đến đọc cho nghe từng đoạn trong "Hồi chuông tắt lửa" - tôi tin tác giả "Hồi chuông tắt lửa" và "Nuôi con non tình" là một*".

Nhớ lại có 1 lần (trước 1963), Thế Nguyên tự lái xe hơi Toyota 800 (*pick up*) về Mỹ Tho, ngủ tại nhà bố mẹ vợ anh. Bố mẹ Tăng Hoàng Xinh (vợ anh) gốc Hoa rất thương yêu rể, hình như nguồn tài chính làm báo có một phần ông bà ấy bỏ ra. Tối đầu tiên ở Mỹ Tho, Thế Nguyên rủ tôi đi đò sang mấy cồn ở Bến tre chơi - tôi lác đầu từ chối (*mà trước đó đã rất thích*) - không nói ra cho anh hay, thi sĩ Thế Viên (*thiếu úy Hồ thế Viên phụ trách An ninh quân đội tại đây*) và Đỗ Kiến Mười (*trưởng ty cảnh sát Mỹ Tho*) cho biết "... bạn sang để ở hẳn bên đó thì hãy sang thăm cồn Bến Tre - toàn VC không hà... ?" (Thế Viên là bạn thân văn chương , còn Mười - bạn ở Thư viện Quốc Gia xưa, thường gặp tôi ăn " cơm tây cầm" (bánh mì) buổi trưa, gọi đùa " Mít tờ Xạc " - mà khi đó tôi đâu có đeo kính cận và mặc " quần soọc" như ' trung sĩ quân dịch Jean-Paul Sartre " đâu ?!).

Khi ấy, tôi không biết vợ Thế Nguyên có một chị hai cùng làm ở Khu Tạo tác, trước ở Mỹ Tho, rồi Cần Thơ với Thế Nguyên . (chị Hai nấu món "*ra -gư*" bò rất ngon - sau này là "*chị nuôi*" - đầu bếp một vị *cán- bộ- lớn - cực- kỳ* tại Cục R)- cứ theo tin thông tấn "*Ba-bê-xu*", thì Thế Nguyên đã được móc nối theo Giải phóng miền Nam từ khi thành lập vào cuối 1960. Ngay từ đầu năm 1960 Thế Nguyên rủ tôi về Cần Thơ chơi- tôi ở đây hàng tháng trời, ban ngày rong chơi, hẹn nhau ăn trưa, tối ở quán, tối ngủ ở nhà thuê gần bờ sông, hướng đi Sóc Trăng (*anh ta xin đổi về Khu Tạo tác Cần Thơ để làm việc cùng sở với chị hai bên vợ*) .Đã có dư luận cho rằng : "... *Giải phóng miền Nam cấp tiền xuất bản nhật báo* " *Làm dân*" - tin này không phải "*vô căn cứ*"- vậy ra chị Hai bên vợ Thế Nguyên đã móc nối cậu em rể đã từ rất lâu sao ?! Sau đó, vây quanh anh ta có đủ thành phần: cựu linh mục Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Ngọc Lương, đại úy Quân đội nhân dân vào vai " *địch hậu*" di cư vào Nam, trở thành nhân viên làm Đài phát thanh Saigon (bút danh *Nguyễn Nguyên*), Trần Tuấn Nhậm, Trần Quang Long (tác giả "*Bông cúc vàng*" Nxb Trình bày in) vv... (*xem thêm ở cuối trang - Ban biên tập Trình bày.*)

30 / 4/ 1975 sau Saigon - Thế Nguyên nhân viên tờ tuần báo *Văn nghệ tp. HCM* - hình như chỉ được cấp trên giao trọng trách *thầy cò* sửa lỗi bài in, ít lâu lâu, Thế Nguyên không tới sở làm, không l tới lĩnh lương - "*cán bộ biên chế*" nằm lì ở nhà *say như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng* " trong khói nạng *phù dung ảo huyền*"- rồi bất ngờ qua đời lẳng xẹt ở Bệnh viện Chợ Quán - chính nạn nhân chẳng mấy vui - mắt mở không cần ai vuốt- vậy là tác giả "*Hồi chuông tắt lửa* " ra đi, ngọn lửa hừng đã tắt ngúm thật rồi!

Còn *Phạm Văn Rao-Diễm Châu* và *Phạm Thị Sáng* - được một nhà văn Pháp bảo lãnh, anh chị "*chôn chân*"ở *Strasbourg* " - và có một lần cuối, anh trở về thăm Hà Nội trước, Saigon sau. Nhà báo Quốc Thái gọi điện thoại mời gấp tới quán 27 Nguyễn thị Diệu gặp bạn cũ. Bắt tay trò chuyện, rồi tôi chở anh ngồi sau xe gắn máy về nhà - tôi lấy 1 bản cuối cùng *Hồi ký ngoài văn chương*- bản in ở Huế Kỳ- ký tặng. Anh nói nhiều hơn tôi, tiếc cho tôi "*dù bơi giỏi, con rái cả vẫn sải cánh trong ao tù*". Tiễn ra cửa, nhìn cánh cửa sắt "*sao cửa sắt nhà bạn ta cao thế nhỉ, hơn 4 mét phải không ?*"Tôi chỉ nói ít lời, hỏi thăm cô *Mận* - cô em gái duy nhất của anh hiện ở đâu? Và ông anh cả thì sao nhỉ?. " Trả lời nhát gừng: "... nó ở Mỹ ông ạ!". Khách sạn anh trọ ở Saigon ở đầu đườngTrần Kế Xương, thuộc Phường 7/ Phú Nhuận. Một khách sạn không trưng bảng hiệu - biệt thự ba bốn tám chi đó - khách đến do giới thiệu truyền miệng với chủ nhân có "*góc đạo Thiên chúa*"- đối diện là quán cà phê NOIR . Nhìn đồng hồ quá 10 giờ đêm, quá trễ nên không thể *cụng ly*" *đen*" lần 2 tại đây rồi. Nào đâu có biết đó là lần cuối gặp anh. ! Rõ tiếc !

Thi sĩ *Diễm Châu* qua đời do anh Lan báo tin- cuối năm 2006- thì 27/2/ 2007 chẳng nhớ ai đã gọi điện thoại báo ": ... *cựu linh mục Nguyễn Ngọc Lan đã nghe tiếng được Chúa gọi , giã từ cuộc đời rồi !*"- "*Thế ra hai tên bạn quý đã đóng tròn " tuồng tích cuộc đời " rồi sao ?!*

Giờ này - tôi còn giữ được tờ *Trình bày* duy nhất - đề ngày 15/1 1-2-1971/ xuân tân hội - và trang cuối có mục lục :

TRẦN ĐỖ DŨNG: Tết, ngày hội lớn của dân tộc, 4 - NGUYỄN KHẮC NGŨ " Tranh tết Việt-nam , 12 - HOÀNG NGỌC NGUYỄN: Thế giới năm bảy mươi, 23 - NGUYỄN SA : Công tử Nguyễn Sa, thơ, 41- Mưa, thơ, 42 - Bài thơ cho tập thơ bị kiểm duyệt , 117 - DIỄM CHÂU : - Trong nguồn cơn đó, thơ, 44 -Một năm chống áp bức, 61 - NGUYỄN QUỐC THÁI -Tiếng đàn của người không với tới mùa Xuân , thơ, 46 - THẾ NGUYỄN: Buổi chiều, trên một quốc lộ, truyện, 49 - TRẦN TUẤN NHẬM : Việt- nam, năm tân-hội, 54 - NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG: Tiểu thuyết, truyện, 67 - NGUYỄN NGUYỄN : Cái đầu lân , truyện, 72 - THẾ PHONG : Hầy tự hào là người Việt-nam, thơ, 79 - MAI TRUNG TĨNH : Cái chết vỗ về, thơ, 87 - Quê hương, thơ, 88 - NGUYỄN MAI : Những ngày quên ăặt trời trên đầu, truyện, 90 - HOÀNG NGỌC BIÊN: Người đạp xe vào thành phố buổi sáng, truyện, 95 - Nhân vật năm 1970, 130 – DU TỬ LÊ : Khi ở biển với T. Ch., thơ, 103 - CHU VƯƠNG MIỄN : Đông phương, thơ, 106 - CAO THANH TÙNG : Giọng kèn tiếng quuyến rũ, 111 - NGUYỄN ĐỒNG ; Tranh tết, 125.

Phụ đính một, hai bài viết trong tạp chí *Trình Bày*



Trình Bày

Tạp chí văn hóa chính trị xã-hội - ra ngày 1 và 15 mỗi tháng. logo TB Chủ nhiệm kiêm chủ bút: Thế Nguyên.

(*) Tổng thư ký : Diễm Châu .

Biên tập : Lý Chánh Trung , Thanh Lãng, Đỗ Long Vân, Phạm Cao Dương, Nguyễn Sa, Nguyễn Văn Trung, Thảo Trường, Nguyễn Khắc Ngử, Trần Tuấn Nhậm, Nguyễn Quốc Thái, Tôn Thất Lập, Thế Nguyên, Hoàng Ngọc Biên , Nguyễn Đồng, Nguyễn Nguyên , Trần Đỗ Dũng, Hoàng Ngọc Nguyễn, Du Tử Lê, Cao Thanh Tùng .

Quản lý : Tăng Hoàng Xinh.

Tòa soạn : 291 Lý Thái Tổ - Saigon .

Tạp chí "Trình bày" là một bán nguyệt san Văn hoá - Chính trị - Xã hội, ra ngày 1 và ngày 15 hàng tháng; tuy có xê xích chút ít, nhưng vẫn đảm bảo đủ hai kỳ một tháng (ví dụ: #25 ra ngày 5-8-1971, #26 - 18-8-1971 v.v...).

Tập san do Thế Nguyên chủ trương và làm chủ bút, tổng thư ký: Diễm Châu. Toà soạn và trị sự đặt tại 291 Lý Thái Tổ, Saigon (nay vẫn là đường Lý Thái Tổ, Q.10). Số báo đầu tiên ra ngày 1-8-1970 và số báo cuối cùng là #42 ra ngày 2-9-1972 trước khi bị tịch thu liên tục và bị đình bản theo sắc luật 007 của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. (Thế Nguyên cũng chủ trương nhật báo "Làm dân", toà soạn cùng địa chỉ trên).

Thành phần ban biên tập gồm nhiều cây bút như: Lý Chánh Trung, Phạm Cao Dương, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Sa, Tôn Thất Lập, Nguyễn Nguyên, Du Tử Lê, Thế Vũ... Trong số họ có Nguyễn Nguyên từng là chủ nhiệm kiêm chủ bút Tạp chí Tin Văn đã bị chính quyền đóng cửa, bản thân ông bị bắt giam một thời gian. Sau khi được trả tự do, ông tham gia cộng tác với nhóm Trình bày. Sau 1975 mới được biết Tin Văn là diễn đàn của Lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc là cơ quan công khai do Khu ủy Sài Gòn - Gia Định trực tiếp chỉ đạo và Nguyễn Nguyên là cán bộ đặc phái do Bộ Công an cài vào miền Nam năm 1954 để hoạt động, từng giữ chức Chủ sự Phòng Kiến thức phổ thông Đài phát thanh Sài Gòn dưới thời Ngô Đình Diệm!

Lời phi lộ của tạp chí *Trình bày* số 1 do Diễm Châu viết. Diễm Châu đã giữ vai trò tổng thư ký của tạp chí này từ ngày ra mắt cho đến khi đình bản, và nhiều bài viết của ông đã được ký với bút danh Võ Hồng Ngự.

Con đường đi tới

Một phần tư thế kỷ đã trôi qua trên cuộc Cách mạng mùa Thu. Và ngoại trừ một vài năm hiếm hoi ngay sau ngày ký kết hiệp định Genève, người Việt Nam đã phải chiến đấu không ngừng. Tuy vậy những hy sinh ròng rã suốt 25 năm trời ấy dường như vẫn chưa đủ để cho một dân tộc yêu chuộng hoà bình như dân tộc Việt Nam có thể buông súng xuống vui hưởng Tự do.

Bây giờ, vẫn còn những cụ già tóc bạc bị trói tay, bịt miệng, những em bé bắt lực quần quai trên vũng máu, những thanh niên bị đánh đập dã man, những thiếu nữ bị hãm hại.

Bây giờ, vẫn còn những cảnh tra hỏi, bắt bớ ở mỗi nẻo đường, những tiếng hét rùng rợn của những nạn nhân trong những phòng tra tấn; cả một miền đất nước biến thành một cái chuồng thú vĩ đại. Máu hoà nước mắt. Roi da và thép gai, thép gai, thép gai trùng trùng điệp điệp.

Bây giờ những người Việt Nam hèn mọn bị nhục mạ, bị xúc phạm, bị tước đoạt mọi lẽ sống như vậy vẫn phải kéo dài một cuộc đời súc vật, không chút nhân phẩm, lang thang vất vưởng, như những người Do Thái, ngay trên chính quê hương mình.

Trong lịch sử của dân tộc đã có bao giờ như bây giờ? Bây giờ...

Cuộc chiến tranh tái phát tại miền Nam Việt Nam từ năm 1958 đã không còn giới hạn vào những miền thôn quê, rừng rậm xa cách đô thị và cũng không còn chỉ là một tai hoạ cho những người dân sinh sống ở miền này thế giới. Đám cháy đã lan rộng khắp hai miền Việt Nam và đe dọa toàn thể các quốc gia vùng Đông Nam Á. Đau đớn thay, khi mức độ tàn bạo của cuộc chiến đã lên tới tột đỉnh và dường như không thể nào chịu đựng nổi nữa thì yêu cầu hoà bình tức khắc lại trở thành một điều cấm kỵ cực kỳ nguy hiểm. Và lạ lùng hơn, dựa vào những phương tiện quân sự hiện đại, người ta đã lấy làm kiêu hãnh khi đưa ra nhận xét là không còn một vùng nào ở Việt Nam có thể được coi như an toàn nữa.

Đóng góp cả sự sống lẫn sự chết cho cuộc chiến tranh kéo dài ấy vẫn là đông đảo những người dân hèn mọn. Ở đây và ở đó người ta bảo họ rằng họ là những người đi tiên phong trong một cuộc Thánh chiến (không thập tự), rằng họ là những người bảo vệ những giá trị thần thánh, bất-khả-nhượng của con người hoặc họ được biết rằng cuộc chiến đấu chống ngoại xâm vẫn tiếp tục và chính họ là những người đương giương cao ngọn cờ độc lập. Có điều, qua cuộc ngưng bắn tạm thời năm 1954, những người dân hèn mọn ấy đã có kinh nghiệm là đánh đuổi ngoại xâm rồi, hoà bình vẫn chưa có, nghĩa là tình trạng nô lệ chưa chấm dứt, mọi người chưa có tự do...

Và tất nhiên, những người đã dốc hết máu xương, tâm huyết vào công cuộc chiến đấu chống thực dân, đế quốc ngoại bang ấy không có lý gì để lại có thể "vui vẻ" chấp nhận những thế lực thực dân, độc tài bản xứ. Đối với họ, công cuộc giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của ngoại bang không thể nào tách rời công cuộc giải phóng chính con người họ. Và Cách mạng chỉ có ý nghĩa khi giải thoát họ khỏi mọi thế lực phi nhân bất cứ từ đâu tới.

Có lẽ những người lãnh đạo họ ở bên này hay ở bên kia cũng đã đồng ý như vậy. Nhưng ngay trong cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật, rồi thực dân Pháp, sự bất đồng ý kiến về những phương thức giải phóng con người Việt Nam ấy đã trầm trọng tới độ khiến một số lãnh tụ phải rời bỏ nhiệm vụ cứu quốc chung.

Tới khi hoà nghị Genève đưa tới sự tạm thời chia cắt đất nước thành hai miền thì ở miền Bắc, người ta xây dựng chủ nghĩa xã hội và ở miền Nam, một số người đã tưởng là có thể dựa vào sự yểm trợ của Hoa Kỳ để mưu cầu một lối sống riêng. Và trong lúc ở miền Bắc công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa đã gặp phải một số những sai lầm nghiêm trọng thì ở miền Nam những cơ cấu phong kiến lỗi thời vẫn không được thay thế và viện trợ Mỹ ngày càng tỏ ra là một cánh tay nối dài đáng ngại của thế lực và ảnh hưởng của Hoa-thịnh-đốn.

Người ta còn nhớ, khi khước từ cuộc tổng tuyển cử để thống nhất đất nước, chính quyền tại miền Nam Việt Nam lúc đó đã nại lý do là không thể tin cậy được ở kết quả của những cuộc tuyển cử tại miền Bắc. Nhưng chính khi phê bình chế độ miền Bắc như vậy thì những người lãnh đạo ở miền Nam lúc đó đã mắc phải đúng những gì họ đã nhận định về miền Bắc. Và sự chống đối chính quyền Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt Nam đã khởi sự từ trước khi người lính tác chiến đầu tiên của Hoa Kỳ đặt chân lên đất nước này. Bị cô lập với quần chúng vì chính sách độc tài của mình và ngày càng lệ thuộc vào viện trợ ngoại quốc, chính quyền Ngô Đình Diệm đã không thể thực hiện được cuộc cách mạng giải phóng con người.

Tình hình chính trị và quân sự tại miền Nam Việt Nam suy sụp, kéo theo sự can thiệp ồ ạt của bộ đội Hoa Kỳ... Và lúc này, ý thức hệ mà các nhà cầm quyền miền Nam Việt Nam sử dụng để đối địch với ý thức hệ của miền Bắc đã lu mờ dần trước sự hiện diện của bộ đội ngoại quốc.

"Phản ứng Mỹ" tại miền Nam Việt Nam tất nhiên không thể không để ra những phản ứng dây chuyền tại các nước xã hội. Và ngay tại miền Nam Việt Nam, dù mang ý nghĩa nào đi nữa, sự hiện diện của một số quá đông đảo bộ đội Mỹ đã thực sự tác hại miền này ở hết mọi khía cạnh văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội... Công cuộc đấu tranh giải phóng tại Việt Nam lại trở lại từ khởi điểm. Và đối tượng bây giờ là chủ nghĩa can thiệp vũ trang của những người Bắc Mỹ. Mức độ chiến tranh càng khốc liệt thì thế lực ngoại quốc chi phối tại Việt Nam càng quan trọng. Sự can thiệp ở đây và ở đó tất nhiên phải thu hẹp chủ quyền đã rất tương đối của người Việt Nam.

Và như vậy, việc gấp rút chấm dứt chiến tranh Việt Nam trước tiên sẽ tránh cho người Việt Nam khỏi rơi vào hoàn cảnh toàn lệ thuộc, và sau nữa sẽ là điều kiện tất yếu để cho người Việt Nam có thể xây dựng bất cứ một hình thức xã hội nào phù hợp với truyền thống và khát vọng của dân tộc.

Tuy nhiên, một nền hoà bình trong đó những kẻ bị áp bức không còn phương tiện để phản kháng và thay đổi số phận mình sẽ chỉ là một nền hoà bình của những nắm mồ.

Người ta đã nói rất đúng là không thể có hoà bình vô-điều-kiện. Một nền hoà bình Việt Nam nhất định sẽ không thể chấp nhận bất cứ một sự hiện diện nào của các lực lượng nước ngoài và đồng thời cũng không thể chấp nhận bất cứ một cơ cấu, một định chế hay một thế lực nào trong nước ngăn cản công cuộc giải phóng con người Việt Nam.

Người ta cũng đã đưa ra một đòi hỏi rất chí lý, là ở miền Nam Việt Nam, không ai có quyền trung lập cả. Thật vậy, ở miền Nam Việt Nam hay ở bất cứ nơi nào trên thế giới, không ai có quyền trung lập trước tội ác và chiến tranh.

Và như vậy, con đường đi tới là con đường mưu cầu một nền hoà bình, trong đó mỗi một người Việt Nam, không kỳ thị ý-thức-hệ, sẽ có một chỗ đứng xứng với phẩm giá con người trên quê hương mình.

Con đường đi tới là con đường giải phóng: giải phóng đất nước và giải phóng con người Việt Nam toàn diện.

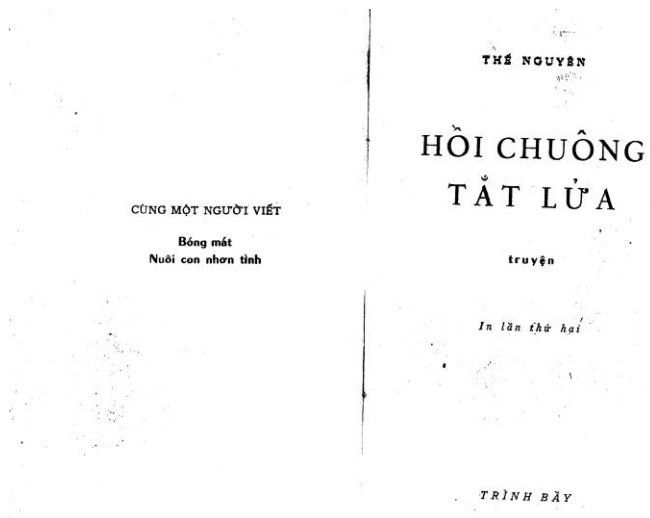
Trình Bày

&&&

Mặc dầu chỉ ra tổng cộng 42 số, nhưng có thể nói là hiếm ai sưu tầm được đủ bộ tập san này. Mới chỉ một năm đầu hoạt động, chủ nhiệm Thế Nguyên đã phải 4 lần ra hầu toà vì những cáo buộc vi phạm Luật Báo chí và phải nộp phạt số tiền khá lớn sau khi bị tịch thu báo không cho phát hành; do vậy một số tập san đã không thể đến tay bạn đọc.

Ta cứ thấy *Lời phi lộ* của tập san đầu tiên thì cũng có thể dự đoán được việc đình bản không sớm thì muộn của tờ tập san phản kháng này

Nguyễn Nguyên - Lặng lẽ một đời văn Thế Vũ



Tôi bắt đầu quen biết nhà văn – nhà báo Nguyễn Nguyên vào năm 1970 khi cộng tác với Tạp chí Trình Bày. Theo trí nhớ của tôi, ông là người có vẻ lớn tuổi hơn cả trong số những người lui tới thường xuyên với tòa soạn 291 Lý Thái Tổ, quận 10, Sài Gòn lúc bấy giờ. Ở ông toát ra phong thái của một viên chức cần mẫn, hơi rụt rè, nói năng từ tốn thận trọng. Chính vì vậy tôi ít có dịp trò chuyện cùng ông, kể cả khi tôi rời bỏ hàng ngũ binh lính Sài Gòn, từ miền Trung vào

trực tiếp tham gia công việc tòa soạn Tạp chí Trình Bày và nhật báo Làm Dân (1972). Hằng ngày, ông đến tòa soạn viết bài, soạn tư liệu, phát hành báo và làm bất kỳ việc gì chủ nhiệm Thế Nguyên yêu cầu. Tuần lễ một đôi lần ông cùng anh em ra ngã bảy lai rai tí đỉnh do chủ nhiệm Thế Nguyên chiêu đãi. Ngay cả những lúc vui vẻ thoải mái như vậy, ông cũng có phần lặng lẽ, ít nói hơn mọi người.

Đến lúc này thì tôi đã biết ông từng là chủ nhiệm kiêm chủ bút Tạp chí Tin Văn (1966 – 1967) đã bị chính quyền đóng cửa, bản thân ông bị bắt giam một thời gian. Sau khi được trả tự do, ông nhảy sang tham gia cộng tác với nhóm Trình Bày.

Thế nhưng mãi lâu về sau, khi miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, đất nước đã thống nhất tôi mới biết Tin Văn, diễn đàn của Lực lượng Bảo vệ văn hóa dân tộc là cơ quan công khai do Khu ủy Sài Gòn – Gia Định trực tiếp chỉ đạo. Và về sau nữa, tôi mới biết ông là cán bộ đặc phái do Bộ Công an cài vào miền Nam năm 1954 hoạt động giữa lòng địch, từng giữ chức Chủ sự Phòng Kiến thức phổ thông Đài Phát thanh Sài Gòn dưới thời Ngô Đình Diệm trước khi bị địch bắt.

Mùa hè năm 1972, tôi bị cảnh sát ngục bắt tại Sài Gòn. Sau hơn một tháng bị giam giữ tại Tổng nha Cảnh sát, tôi bị giải về nhà lao Chí Hòa. Hồi ấy ở Sài Gòn tôi không có thân nhân, bạn bè thân thiết cũng không có mấy ai ngoài nhóm Trình Bày và một ít anh em sinh viên hoạt động phong trào. Thật bất ngờ vào một buổi sáng tôi nhận được giấy thăm nuôi do một người xưng là chú tôi đứng tên: Nguyễn Ngọc Lương. Tôi xúc động đến trào nước mắt khi nửa tin nửa ngờ nhìn vào tấm ảnh chân dung ông dán trên giấy thăm tù – mỗi quan tâm trong lúc tù đầy người ta được nhận trước hết từ gia đình mình thì tôi lại nhận được ở ông, thay mặt cho nhóm Trình Bày và nhật báo Làm Dân. Kể từ đó cho đến khoảng tháng 3.1973, hằng tuần Nguyễn Nguyên vào nhà lao Chí Hòa thăm nuôi tôi – ngoài những lời động viên thăm hỏi, những thông tin vắn tắt tình hình bên ngoài, ông tiếp tế cho tôi mấy gói thuốc lá Bastos Lux, vài lạng đường, bịch muối vừng hoặc muối lạc, vài miếng cơm dừa già – đủ chất muối, đạm, ngọt, béo... để tôi cầm cự với chế độ lao tù.

Sau ngày giải phóng, Nguyễn Nguyên làm biên tập viên ở Tuần báo Văn Nghệ TP Hồ Chí Minh cho đến lúc nghỉ hưu. Thỉnh thoảng gặp chúng tôi, ông đều hỏi thăm tình cảnh của anh em cầm bút trẻ thời trước ông từng có dịp tiếp xúc, quan tâm ưu ái những người gặp khó khăn trong quan hệ công tác hoặc đời sống gia đình, đặc biệt là những anh em chấp nhận gắn bó với mảnh đất miền Trung còn gian khổ quấy đạp để thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu. Có lẽ cuộc đời từng trải không ít trầm luân đã khiến ông nhạy cảm hơn với những con người ít may mắn chăng? Khi biết tôi mắc căn bệnh phổi mãn tính, nhiều lần ông nhấn đến sót cho một phần tế thuốc bắc bổ phổi bổ thận mà ông kỳ công làm theo toa một vị lương y ông rất nể trọng. Lần cuối cùng ông gọi tôi tới chỉ cách mấy tuần trước khi ông mất. Hôm đó trông ông đã rất mệt, chỉ nằm chứ không gượng dậy nổi như mấy lần trước. Vậy mà ông còn xuýt xoa ca cẩm cho thân phận những bệnh nhân nghèo ở các tỉnh xa và người thân của họ ăn nằm vật vạ chờ chữa trị ở Trung tâm Ung bướu TP Hồ Chí Minh. Cũng chính vì vậy mà nguyện vọng cuối cùng của ông trước khi qua đời là bạn hữu gần xa không viếng ông bằng vòng hoa mà dành số tiền đó để giúp bệnh nhân nghèo.

Gần nửa thế kỷ hoạt động trên trường văn trận bút, Nguyễn Nguyên có một thiệt thòi so với bao người khác là ông đã không cho xuất bản một đầu sách nào. Chưa có con số thống kê, tập hợp lại tất cả những gì ông đã viết trong đời văn, đời báo của mình, nhưng tôi chắc những gì ông để lại không phải là ít: truyện, ký, ghi chép, tản văn, những bài báo giới thiệu về danh nhân văn hóa lịch sử, danh thắng, đặc sản quê hương, những bài báo giàu tính chiến đấu nhân các sự kiện thời sự. Trước 1975, ông còn tham gia cùng một số bạn bè dịch và giới thiệu một số tác

phẩm văn học nổi tiếng của châu Mỹ La tinh, châu Phi đen như *Miền đất hung bạo* của Jorge Amado, *Một vòng hoa cho người cách mạng*, *Con đường sấm dậy* của Peter Abrahams...

Sau 1975 ông cộng tác với khá nhiều báo, viết về khá nhiều lĩnh vực nhưng dường như ông chỉ ký duy nhất một bút danh: Nguyễn Nguyên. Là một người kỹ tính khi viết, hết lòng trong mọi công việc, có thể ông không được một số người ưa thích nhưng vẫn tôn trọng ông, bởi cả cuộc đời làm báo viết văn và tham gia công tác cách mạng ông hoàn toàn xa lạ với thói bon chen danh lợi, đặc biệt là chưa bao giờ ông viết vì mục đích kiếm tiền.

Về các tờ báo *Hành Trình*, *Đất Nước* và *Trình Bày* Nguyễn Văn Lục

Sau biến cố chính trị 1963 mà người ta tin rằng đã chấm dứt được một chế độ độc tài, mở đường cho một chế độ mới thông thoáng hơn với sự góp sức của mọi người đáp ứng được nguyện vọng của dân tộc.

Nhận định, đánh giá về các tờ *Hành Trình*, *Đất Nước* và *Trình Bày* cũng như nhóm trí thức cộng tác với các tờ báo trên

Bối cảnh chính trị sau 1963

Sau biến cố chính trị 1963 mà người ta tin rằng đã chấm dứt được một chế độ độc tài, mở đường cho một chế độ mới thông thoáng hơn với sự góp sức của mọi người đáp ứng được nguyện vọng của dân tộc.

Nhưng theo Nguyễn Văn Trung trong lời mở đầu của tập san *Hành Trình*, ông nhận thấy chỉ có cảnh tranh chấp, dành dật, thay đổi liên tiếp các chính quyền mà hậu quả là người dân mất tin tưởng, chán ghét thứ chính trị xôi thịt mà hậu quả là sự sụp đổ hoàn toàn sắp tới(1).

Nhưng nếu đặt mình vào cái hoàn cảnh chính trị thời đó tại các nước Âu Châu, nhất là Pháp, người ta sẽ thấy khuynh hướng chính trị tả phái như một phong trào đang lên. Thanh niên trí thức Pháp cũng đều nhuộm màu tả phái qua các báo như *Les temps modernes*, *L'humanité*, *Esprit*, v.v. Các trí thức Việt Nam như Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Trương Bá Cần từng đã có cơ hội tiếp xúc, đọc tài liệu về các trào lưu tả phái đó. Họ đã chắc chắn bị ảnh hưởng cách này cách khác.

Tạp chí *Hành Trình*

Trước tình hình chính trị rối beng ở miền Nam sau 1963, với tư cách một người trí thức cầm bút, tự nhiên họ nghĩ họ có trách nhiệm và thấy cần phải làm một cái gì. Sau những bữa ăn hội họp thường là do Trịnh Viết Đức, chủ nhà in Nam Sơn đài thọ.

Họ nghĩ tới phải ra một tờ báo. Nguyễn Văn Trung được coi là người cầm bút có tiếng trong giai đoạn này, đại diện anh em đứng xin phép ra báo. Ông có xin phép ra một tạp chí nhằm góp phần nhằm đặt ra những vấn đề căn bản cho một miền Nam sắp tới. Giấy xin phép đã lâu, nhưng thủ tục hành chánh rườm rà, kéo dài đến hơn một năm.

Về điểm này truy lục ra, người viết thấy rằng, Bộ Tâm Lý Chiến, ở số 79-81 đường Phan Đình Phùng trong một lá thư đề ngày 9-12-1965 có giải thích rằng

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
BỘ TÂM-LÝ-CHIẾN
79-81 đường Phan-dình-Fùng
SAIGON

SAIGON ngày 12 tháng 12 năm 1965

Số 626/BTLC/BC.İM.

PHỤ-TÁ ỦY-VIÊN TÂM-LÝ-CHIẾN

Kính gửi

ÔNG PHỤ-TÁ ỦY-VIÊN BỘ NỘI-VỤ

- SAIGON -

Thưa Ông Phụ-Tá,

Bộ tôi vừa được tin báo cho biết có một tờ tạp-chí lấy tên là "Hành Trình" do O. NGUYỄN-VĂN-TRUNG chủ trương hiện đang được phổ-biến và có giọng điệu thân Cộng.

Trước đây, Bộ Thông Tin có cho phép O. NGUYỄN-VĂN-TRUNG xuất bản một đặc-san lấy tên là "Hành Trình" bằng công văn số 7149/BTT/BCI ngày 1-12-1964. Đặc san này không xuất bản nên giấy phép quĩng nhiên mất hiệu lực sau thời hạn 1 tháng kể từ ngày ký công văn. Như vậy đặc san "Hành Trình" hiện lưu hành là bao bất hợp pháp.

Vậy Bộ tôi trân trọng xin quý Bộ ra chỉ thị cho các cơ quan Cảnh Sát trực thuộc tịch thu đặc san "Hành Trình" nếu thấy lưu hành.

Kính thư,

Ký tên và đóng dấu

VŨ-VĂN-ĐIÊN

Bản sao kính gửi :

- O. Giám-Đốc Nha Cảnh-Sát ĐĐ-Thành
" Để cho tịch thu "
- Đại-Tá Giám-Đốc Nha An-Ninh Quân-Đội.
- Thiếu-Tướng Tổng-Trấn Saigon Gia-Định.
- Giám-Đốc Nha Báo-Chí Phủ Chủ-Tịch UBHPTU
" Để lịnh tướng "

Nguồn: Tư liệu - Nguyễn Văn Lục

Nguồn: NVL

[...] Trước đây Bộ Thông Tin có cho phép ông Nguyễn Văn Trung xuất bản một đặc san lấy tên là 'Hành Trình' bằng công văn số 7149-BTT-BCI ngày 1-12-1964. Đặc san này không xuất bản

nên giấy phép đương nhiên bị thu hồi, mất hiệu lực sau 1 tháng kể từ ngày ký công văn. Như vậy đặc san *Hành Trình* hiện lưu hành là bất hợp pháp. [...] Ký tên: Vũ Văn Diên.

Thật ra, ông Nguyễn Văn Trung và nhóm trí thức, phần đông thuộc giới công giáo, đã quyết định cho ra tờ *Hành trình*, ấn bản in ronéo vào tháng 10-64, nghĩa là trước khi có giấy phép chính thức hai tháng. Có nghĩa là quyết định cứ làm dù không có giấy phép thì chấp nhận in lậu. Mà in dưới dạng in ronéo, in chui nên vượt rào, không cần phép tắc gì cả.. Về điều này, họ đã bắt chước theo gương nhà văn Thế Phong thời đó đã in rất nhiều tài liệu về văn học của ông dưới dạng quay roneo. Nó qua mặt Bộ Thông tin dễ dàng.

Việc in báo chui nó gây thích thú và phấn khởi nơi những người làm báo và gây tò mò muốn biết của giới thanh niên sinh viên. Tự nó, chui là cái gì đáng để đọc.

Chính vì thế mà tờ *Hành Trình* bị tịch thu. Cũng chính vì thế mà ông Hoàng Văn Nguyên, giám đốc Nha Thông tin báo chí đã mời ông Nguyễn Văn Trung đến Nha Thông tin báo chí, 10 giờ sáng ngày thứ hai 27-12-1965 về việc xuất bản và phát hành tờ *Hành Trình*(2).

Cùng với một số trí thức miền Nam –trần trở trước tình hình đất nước– thấy không thể ngồi yên. Họ thấy cần làm một điều gì, thấy cần lên tiếng và nhất là thấy cần phải bày tỏ một thái độ nhập cuộc, phải dấn thân không thể ngồi trong tháp ngà của suy tưởng lý thuyết sống như trước nữa.

Trong số trí thức ấy có hai người là các ông Lý Chánh Trung và Nguyễn Văn Trung chủ trương tờ *Hành Trình* vào tháng 10-1964 và sau này tờ *Đất Nước*.



(T) Nguyễn Văn Trung (1930-) và (P) Lý Chánh Trung (1928-), hai người chủ trương báo <Hành Trình. Nguồn: OntheNet & tatrungtravinh.blogspot

Do vị thế trí thức của họ với giới sinh viên, họ thu hút được một số trí thức khuynh tả và giới trẻ đi theo họ. Báo bán chạy ngoài sự mong đợi của họ. Theo Trịnh Viết Đức, người chịu trách nhiệm in ấn cho người viết hay lúc đầu chỉ in có 100 số *Hành trình*. Báo bán chạy quá nên Trịnh Viết Đức phải in đến 1000 bản. Thiếu lại in tiếp. Báo *Hành Trình* đã được in lại từ các số 1, 2, 3, 4, 5, 6. Chưa kể có một số độc giả mua báo dài hạn. Mỗi số đề giá 50 đồng, một số tiền không nhỏ. Người chịu trách nhiệm phát hành là anh Thành -một tay chuyên môn lo chuyện này- và có sự hỗ trợ của nhà văn Thế Nguyên. (Thế Nguyên tác giả cuốn truyện ngắn *Hồi Chương tất lửa*, sau này ngã theo cộng sản).

Báo chở xe Lambretta ba bánh đi phát hành nên có khi bị tịch thu trọn vẹn. Thảo Trường, nguyên là thiếu tá an ninh quân đội đành vượt luật lệ nhà binh dùng xe Jeep chở báo. Nhờ thế, không ai dám khám xét.

Cái không khí làm báo như thế nay họ ngồi nhắc lại, họ vẫn lấy làm hãnh diện. Mặc dầu thừa biết rằng nó đem lại cái lợi cho cộng sản.

Trong số các cộng tác viên của tờ *Hành Trình*, điểm mặt thì phải nói thẳng ra trong thời điểm ấy chưa có cộng sản thâm nhập vào. Mặc dầu cái vẻ bề ngoài của nhóm có vẻ như thân Cộng, Nhưng tự thâm tâm như Trịnh Viết Đức bày tỏ cho hay rằng: Thăng nào cũng sợ cộng sản hết. Sợ mà vẫn có vẻ như ngã theo.

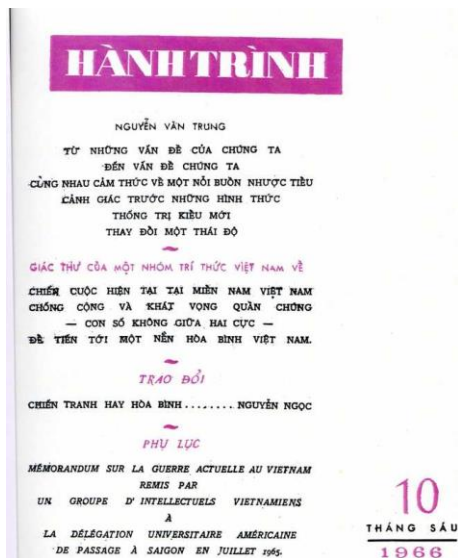
Danh sách trí thức viết cho *Hành Trình* gồm một số linh mục như Đỗ Phùng Khoan, tức linh mục Nguyễn Huy Lịch, Võ Hồng Ngự, tức nhà thơ Diễm Châu, Trần Trọng Phủ, tức nhà văn Thế Nguyên. Trương Cẩm Xuyên, tức linh mục Trương Đình Hòa, Hương Khuê, tức linh mục Trương Bá Càn, linh mục Nguyễn Ngọc Lan, giáo sư Trần Văn Toàn, các nhà văn như Thảo Trường, Thái Lãng, Nguyễn Vũ Văn, Lê Tất Hữu, Thế Uyên, Trịnh Viết Đức, chủ nhà in Nam Sơn, người tài trợ cho việc in ấn. Trong số những người kể trên, sau này có một số ngã theo cộng sản, điều mà mọi người không dự đoán trước được.

Ngoài ra còn có nhiều tác giả gửi thơ, truyện ngắn mà *Hành Trình* không có điều kiện đăng tải nên đã trích dẫn tóm tắt trong mục: Trao Đổi – Đối Thoại. Trong đó có tên nhiều người như Nguyễn Quốc Thái, Lê Uyên Nguyên, Văn Đĩnh, Bùi Khải Nguyên.

Trong lời nói đầu của tờ *Hành Trình* có ghi như sau:

– Không thể tìm ra một lối thoát thực sự nếu không dám đụng đến những nguyên nhân sâu xa là nguồn gốc tình trạng đang rơi vào suy sụp hoàn toàn. Tạp chí *Hành Trình* ra đời nhằm phê phán đến tận cùng những nguyên nhân sâu xa đó, để góp phần tìm ra một lối thoát thực sự và hiệu nghiệm.”(3)

Tờ báo mặc dầu chỉ kéo dài được hơn một năm, số chót tháng sáu, 1966 đã có một tiếng vang cả trong lẫn ngoài nước cũng như dư luận Hoa Kỳ và ngoài Bắc.



Báo hành Trình, số sau cùng, tháng Sáu 1966. Nguồn: Viet Studies

Bắt đầu từ số 5, tờ *Hành Trình* đặt ra những câu hỏi đi rất sát với thực tế miền Nam, nhắm phê phán các tổ chức tôn giáo, các cuộc tranh đấu, biểu tình, các giải pháp quân sự, vai trò các tôn giáo.. và yêu cầu người đọc tìm các câu trả lời trong tờ Hành Trình.

Cái ý tưởng sau đây là rất hay, mạnh tính tuyên truyền cao, có tác dụng gây ý thức. Sáng kiến này do nhà văn Thảo Trường nghĩ ra và được mọi người đồng ý, cho in ở bìa sau tờ báo kể từ số 5.

Chẳng hạn có những câu như những khẩu hiệu gây tác dụng mạnh nơi người đọc:

Sau khi đã tranh đấu – đã cách mạng – đã biểu tình – đã đảo chánh – đã lật đổ – đã hành quân – đã thuyết pháp – đã cầu nguyện – đã hội thảo – đã thực kết – đã hành lạc – đã đập phá – đã đau khổ – đã hy sinh – ... và đang mỗi một ... Chúng tôi đề nghị:

Tìm đọc Tạp chí Hành Trình

Để nhìn lại hình ảnh thực sự của mình-Để nhìn lại hình ảnh thực sự của đồng bào mình – để tìm lại đường lối thực sự của mình – để tìm lại tương lai thực sự của mình- để tìm lại khát vọng thực sự và chính đáng của mọi người.

Những vấn đề đặt ra rất rõ ràng có tính cách phê phán triệt để và toàn diện. Thế nhưng, tôi nghĩ rằng các người chủ trương *Hành Trình* đã không đủ khả năng để tìm ra được một đường lối, một lối thoát khả thi. Nó chỉ là những suy nghĩ cá biệt mang tính thăm dò, thử nghiệm mà sau này hiểu ra được đó chỉ là suy nghĩ không tưởng của một số trí thức thành thị có lý tưởng, có lòng hăng say muốn làm một cái gì..

Nhưng thực tế, nó gây ảnh hưởng trực tiếp nơi một số giới thanh niên, tạo thêm những ảo tưởng chính trị, những đám mây mù chính trị, tạo ra một số tin tưởng cho giới thanh niên dẫn mình vào tranh đấu.

Tờ *Hành Trình* qua Nguyễn Văn Trung đã nhận được thư từ của một số thanh niên đã đi bưng, viết lại vì sao họ đã chọn lựa con đường tranh đấu đó.

Chẳng hạn có một lá thư của một học sinh đang học lớp đệ nhất đi vào bưng gửi một thư từ biên giới ngày 8-1-1967 về cho giáo sư Nguyễn Văn Trung.

Nội dung lá thư có những đoạn:

'Sau nhiều tháng bần khổ, khắc khoải, qua những điều mắt thấy tai nghe, bằng kinh nghiệm sống bản thân và nhất là qua những thôi thúc, chiêm ngòi bởi những 'Nhận Định' (tác phẩm của NVT), khai phá dưới hình thức văn chương của giáo sư và một vài tác giả cách mạng khác, tôi đã đi đến một quyết định cuối cùng, dứt khoát: cầm súng, về với quần chúng đông đảo đang làm lịch sử, đào thoát một day dứt, một bế tắc nội tâm và cũng là để chứng tỏ câu nói của giáo sư với người Mỹ 'Việt Nam không phải là Phi Luật Tân, còn người Việt Nam cuối cùng là còn chiến đấu'(4).

Chẳng những thế, ngay trong hàng tướng lãnh miền Nam có Thiếu tướng Lê Nguyên Khang cũng có nét đồng thuận với *Hành Trình*, tướng Lê Nguyên Khang viết cho Nguyễn Văn Trung như sau:

Kính anh,

Tôi đã nhận được số báo anh gửi tôi, tuy chưa đọc kỹ, nhưng tôi thấy không thể không đồng ý được, vì vấn đề đã quá rõ rệt rồi.

Còn việc gọi vào Thủ Đức khóa 21 có nhiều sự lộn xộn lắm. Nếu anh rảnh, mời anh tới chơi, tôi sẽ nói rõ. [...]

Tôi hoàn toàn đồng ý với anh không phải chỉ súng đạn là giải quyết được cộng sản trên đất nước này. Mong gặp anh nói chuyện nhiều hơn.

Thân. 17-6-1965.

Thiếu-Tướng LÊ-NGUYỄN-KHANG

Kính Anh,
Tôi đã nhận được số bài của bạn gửi, tuy chưa kịp đọc nhưng tôi thấy không thể không thông ý thức về vấn đề này. Ông viết hay vào thư cho tôi để có được tin tức chính xác. Tôi rất cảm ơn anh và chờ tin từ anh.

Tôi hoàn toàn đồng ý với anh không phải chỉ riêng tôi là phải quyết định (C.S) tin tức như vậy.
Mong gặp anh với chuyện như cũ hơn.

Thiên - 17.6.1965

Khánh

Nguồn: Tư liệu - Nguyễn Văn Lục

Nguồn: NVL

Trong các số *Hành Trình*, có cả những thanh niên Mỹ sang Việt Nam như trường hợp David G. Marr. Ông này sau là sử gia viết cuốn *Viet Nam 1945, The Quest for Power*. Ông vừa tốt nghiệp đại học sang Việt Nam đã cho dịch những bài báo của Nguyễn Văn Trung và cho đăng trên các báo Mỹ và các cơ quan truyền thông của công giáo Mỹ như các bài: "War, Peace, and Revolution" hoặc bài "Our problems: Ourselves".

Trong số những bài viết phản biện có các bài từ Miền Bắc lên tiếng sớm nhất như bài: "Từ Chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam, thực chất và huyền thoại đến Hành Trình", của Phong Hiền, tháng 4 năm 1965 và bài của Tam Thanh, "Độc Nhận Định 4 của Nguyễn Văn Trung".

Người viết xin được bỏ ra ngoài những phê phán của các tác giả ngoài Hà Nội.

Phía VNCH có bài nhan đề: "Phê bình quan điểm Cách mạng xã hội của hai ông Nguyễn Văn Trung và Lý Chánh Trung", Nguyễn Văn Bảy, Sài Gòn 10-1967. Bài này thật ra là của nhóm Nguyễn Trọng Văn theo cộng sản lấy tên Nguyễn Văn Bảy để qua mặt mọi người nên miễn đề cập tới.

Về quan điểm chủ trương hình thành Một chủ nghĩa xã hội không cộng sản được Nguyễn Văn Trung trình bày trong cuốn Nhận Định 4. Quan điểm này khó có thể đứng vững trước hai thế lực cộng sản-tư bản. Phải chăng con đường thứ ba này chỉ là tránh né tất cả những mũi dùi nhắm tới từ hai phía? Không thể có quan điểm trung lập đứng giữa mà trong tình thế cực đoan, chẳng đứng dừng, bắt buộc phải chọn lựa đứng về bên này hoặc bên kia.

Dứt khoát là như thế! Và bài nữa rất có giá trị là "Nghĩ về một số trí thức ảo tưởng" của Ánh Việt, đăng trên Chính Luận, 10-1971(5).

Bài nhận định phê phán của Ánh Việt này không phải là không có cơ sở. Ánh Việt có thể chỉ là một bút hiệu. Bài viết với lập luận cứng cáp, hiểu biết thực tiễn, nắm vững bản chất chủ nghĩa

cộng sản và những âm mưu của họ. Họ gọi thái độ của nhóm chủ trương *Hành Trình* là thái độ Con đà điều chui đầu xuống cát. Thái độ không tương như đề cập đến vấn đề chiến tranh hay hòa bình, Anh Việt dẫn chứng phê bình Nguyễn Văn Trung trong bài: 'Cộng sản, người anh em của tôi' trong tạp chí *Đất Nước* số 3. Phê Bình Lý Chánh Trung trong bài: 'Nói chuyện với người đã khuất', *Đất Nước* số 14. Phê Bình Trương Bá Cần tán dương miền Bắc trong bài '25 năm xây dựng XHCN ở miền Bắc' trong các số *Đối Diện* 14, 15, 16. Phê bình Nguyễn Ngọc Lan viết các bài phê phán, chế diễu giới cầm quyền Sài Gòn trên các báo Tin Sáng. Anh Việt cho rằng đám trí thức thành phần thứ ba đã chọn một chỗ đứng không đúng chỗ. Có thể nào đứng giữa được không trong cuộc tranh chấp sống còn giữa Quốc Gia và Cộng sản? Tiếp theo đó, ông Nguyễn Văn Trung với tư cách đại diện cho nhóm trí thức thiên tả đã viết bài trả lời ông Anh Việt với bài viết: "*Nói với ông Anh Việt, tác giả bài 'Nghĩ về một số người thức ảo tưởng'*"(6) cũng được đăng trên Chính Luận.

Ngoài ra, Trần Kim Tuyến, không còn có vai trò chính trị gì nữa sau 1963 cũng tán thành một số quan điểm của nhóm *Hành Trình*, nhưng ông cảnh cáo nhóm trí thức này là có thể làm lợi cho cộng sản. Đó là nỗi sợ duy nhất mà những người quốc gia chân chính mỗi khi làm điều gì cần phải cân nhắc xem có làm lợi cho cộng sản hay không. Điều gì có lợi cho cộng sản thì không làm. Chồng hay khen cũng đều cần dựa trên nguyên tắc căn bản đó.

Đặc biệt cho đến sau 1975, còn có những loại trí thức nằm vùng nằm trong MTGPMN lời câu chuyện 10 năm về trước viết bài nhằm tâng công với cộng sản, Nguyễn Trọng Văn viết bài tham luận nhằm phê phán Nguyễn Văn Trung nhan đề: "*Chủ nghĩa xã hội không cộng tại miền Nam Việt Nam thời Mỹ-Ngụy: Nội dung và ảnh hưởng*". Phan Lữ Phương viết bài: "*Mấy ý kiến về các xu hướng gọi là cách mạng xã hội không cộng sản ở miền Nam trước 1975*"(7). Cả hai bài này chỉ là những bài viết theo chỉ thị của cộng sản nhằm triệt hạ uy tín cá nhân Nguyễn Văn Trung và Lý Chánh Trung sau 1975 nên cũng xin miễn bàn tới.

Tờ báo sau đó đóng cửa không một lời giải thích.

Theo Trịnh Viết Đức thì sau đó ông bị động viên đi Thủ Đức nên không có ai đảm đương việc in ấn và phát hành nên tờ báo phải tạm đình bản.

Bài do tác giả gởi và chú thích.

(1) *Hành Trình* số 1, tháng 10-1964, Lời nói đầu, trang 3.

(2) Nguyễn Văn Trung, *Hồ sơ về Tạp Chí Hành trình, 1964-1965*

(3) *Hành Trình* số 1, tháng 10-1964.

(4) Nguyễn Văn Trung, sđd

(5) Nguyễn Văn Trung, sđd

(6) Nguyễn Văn Trung, nguyên Khoa trưởng Đại Học Văn Khoa, bài đăng trên Chính Luận các số 1971, 72,73,74.

(7) Nguyễn Văn Trung, *Hồ sơ về tạp chí Hành Trình, Sài Gòn 1964-1965*, nxb Nam Sơn, 2000.

Hay nói như Pascal, người quốc gia và người cộng sản ở vào một thời điểm nào đó đã cùng xuống thuyền mà vận mệnh dân tộc đã đẩy họ xuống? Vấn đề là ngày hôm nay, chúng ta phải làm gì? Và đã làm gì?

Nhận định, đánh giá về các tờ *Hành Trình*, *Đất Nước* và *Trình Bầy* cũng như nhóm trí thức cộng tác với các tờ báo trên Tờ *Đất Nước*



Nguồn: NVL

Hành Trình tự đóng cửa, không phải do áp lực của chính quyền tịch thu báo. Thật sự mà nói, chính quyền thời đó tương đối dễ dãi, kiểm soát lỏng lẻo. Các báo tự do viết, tự do phát biểu ý kiến mà nay đọc lại cũng thấy không chấp nhận được.

Tờ *Đất Nước* thay thế *Hành Trình*. Ban biên tập với chủ nhiệm là Nguyễn Văn Trung; chủ trương biên tập là Lý Chánh Trung, nhưng Tổng thư ký tòa soạn nay là Thế Nguyên.



Tổng thư ký tòa soạn *Đất Nước*, Thế Nguyên. Nguồn: OntheNet

Giữa *Hành Trình* và *Đất Nước* có một sự thay đổi quan trọng về người điều hành. Trong *Hành Trình*, Nguyễn Văn Trung chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung bài vở; nay trách nhiệm ấy một phần chuyển giao sang Lý Chánh Trung. Lý Chánh Trung rất có thể đã bị cộng sản mua chuộc. Phần Thế Nguyên, vốn là một người trẻ tuổi, hăng say và chịu sự xúi dục, o ép của cộng sản kỹ hơn. Bản chất họ không hẳn là người cộng sản, nhưng do tình thế, họ rơi vào bẫy kẹp. Thế Nguyên có một nhà in nhỏ để in tờ *Đất Nước*. Có thể là cộng sản đã dùng tiền bạc mua nhà in, tạo điều kiện cho Thế Nguyên làm báo, in báo.

Người viết bài cho *Đất Nước* có nhiều thành phần được coi là cộng sản nằm vùng giật giây ở bên trong do sự móc nối của Thế Nguyên. Những Trương Bá Cần, Nguyễn Trọng Văn, Nguyễn Ngọc Lan, Lý Chánh Trung, Tôn Thất Lập, v.v. mang nặng nhãn hiệu cộng sản một cách khéo léo, trá hình.

Chẳng hạn bài *Hoàn cảnh những người cầm bút miền Nam trước và sau 1963* tiêu biểu cho một lối nhìn phê phán kiểu cộng sản. Một cách nào đó, Nguyễn Trọng Văn được cộng sản mới mời, giật giây để viết như thế. Nguyễn Trọng Văn phân loại những người cầm bút trước 1963 qua các tờ Sáng Tạo, Văn Nghệ, Thế Kỷ 20 là thứ văn nghệ chống Cộng, văn nghệ theo đuôi, văn nghệ hưởng thụ để duy trì cơ cấu thực dân, để thụ hưởng. Dĩ nhiên Nguyễn Trọng Văn chọn ra một vài nhân vật tiêu biểu như Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, giáo sư Trần Thái Đĩnh để phê phán.

Sau 1963, tình hình chính trị đã thay đổi, có xu hướng tác dụng làm thức tỉnh một số người cầm bút trước thời cuộc. Họ xoay chuyển cách nhìn, cách đánh giá thời cuộc, họ không giữ thái độ thụ động, thờ ơ, ngoài cuộc.

Họ đã nhìn người cộng sản với một con mắt khác. Nếu trước đây chống Cộng thì nay người ta đặt vấn đề sự có mặt của người Mỹ ở Việt Nam và tạo ra không khí ghét Mỹ, chống Mỹ. Không khí văn nghệ còn tạo ra những dẫn vật, những khát vọng hòa bình như trường hợp của Thích Nhất Hạnh.

Sự phân biệt hai thời kỳ cầm bút như thế của Nguyễn Trọng Văn là rất nguy hiểm và độc hại, phân biệt chính tà, phân biệt thái độ chính nghĩa và phi chính nghĩa của người cầm bút. Đó là cách đánh giá hoàn toàn nằm trong phạm trù của người cộng sản mà Nguyễn Trọng Văn chỉ là công cụ, nhảy vào trong tờ *Đất Nước*.

Một tờ báo có sự cộng tác nổi bật của nhà thơ Nguyễn Sa trong nhiều bài thơ và trong bộ truyện *Vài ngày làm việc ở Chung Sự Vụ*, một Nguyễn Sa làm thơ, viết văn, kiếm tiền nay có thái độ dấn thân, nhập cuộc không làm thơ tình nữa như trong bài thơ *Tắm hay Sân Bắn* của ông. Sự có mặt của Nguyễn Sa chắc hẳn là do sự mời gọi của Nguyễn Văn Trung mời nhập cuộc. Sự liên hệ gắn bó giữa hai người đã có nhiều phen được chứng minh tình bạn giữa họ mỗi khi Nguyễn Văn Trung bị ai chống đối thì có Nguyễn Sa ra mặt bênh vực hết mình.

Bên cạnh Nguyễn Sa có nhiều cây bút khác như Du Tử Lê, Đinh Phụng Tiến, Hồ Minh Dũng, Lê Văn Ngân, Bùi Khải Nguyên, Nguyễn Quốc Thái, Lê Khoa, Nguyễn Tất Nhiên, Luân Hoán, Thế Phong, Nguyễn Tường Giang, Tản Hoài Dạ Vũ, Lưu Kiển Xuân, Phong Sơn, Thái Lăng, Nguyễn Khắc Ngữ. Có ai có thể nghi ngờ được những nhà văn trên về mặt chính trị? Về điểm này cho thấy có một sự phóng khoáng, sự cởi mở, sự rộng lượng ngay đối với những người thiên về cộng sản.

Có lẽ cái không khí ấy cởi mở hơn ở hải ngoại bây giờ nhiều.

Nhưng người ta sẽ hiểu thế nào khi Nguyễn Khắc Ngữ viết bài: *Từ con người cụ Hồ Chí Minh đến sự hình thành của Đảng cộng sản Đông Dương*, bên cạnh các bài của Lý Chánh Trung: *Nói chuyện với người đã khuất*. và bài *Một người nằm xuống* của Trần Trọng Phủ (tức Thế Nguyên) trong số *Đất Nước*, nhân dịp Hồ Chí Minh qua đời, năm 1969. Rồi số *Đất Nước*, số 3, kỷ niệm 50 năm cách mạng tháng 10 Nga, Nguyễn Khắc Ngữ cũng có bài *Cách Mạng Nga 1917*, bên cạnh các bài của Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, Trương Bá Cần? Và rồi đến năm 1975, Nguyễn Khắc Ngữ cũng như mọi người kịp trốn chạy ra khỏi cộng sản?

Tôi nghĩ rằng sự có mặt của Thế Nguyên –một người theo cộng sản– trong vai trò Tổng thư ký tòa soạn đã kéo theo nhiều nhà thơ, nhà văn thân cộng viết cho tờ báo như các ông: Ngụy Ngữ, Lưu Nghi, Thái Ngọc San, Tôn Thất Lập, Phạm Thế Mỹ, Ngô Kha, Nguyễn Trọng Văn, Lữ Phương, Trần Hữu Lục và có thể có Thái Lăng, Nguyễn Tường Giang, v.v.

Chắc chắn ông Nguyễn Văn Trung hoàn toàn bất động, không biết ai vào với ai và không nắm được vấn đề này. Họ –nhất là Nguyễn Văn Trung– mất chủ động, mặc cho Thế Nguyên thao túng về bài vở, tác giả cộng tác, quản lý tiền bạc, nhà in phát hành.

Thế cho nên mang tiếng là báo của trí thức thiên tả, nhưng thực sự trong trường hợp tờ *Đất Nước* là cộng sản giết dây. Một Thảo Trường, một sĩ quan an ninh quân đội cũng hầu như không biết gì đến những hoạt động của Thế Nguyên. Trường học của Nguyễn Sa gần Lý Thái Tổ nên rảnh rỗi Nguyễn Sa thường la cà đến 291 Lý Thái Tổ chuyện trò với Thế Nguyên.

Miền Nam mất cái đà làm chủ tình hình báo chí, văn học, văn nghệ dần dần như thế.

Hãy trích lại giọng điệu trong thơ của Phạm Thế Mỹ sặc mùi tuyên truyền, chống Mỹ, chống chiến tranh như bài “Những ngày sắp tới”:

Thưa thầy, họ đã dạy con:

Không có bom đạn Mỹ

Việt Nam mất nước từ khuya

Không có viện trợ Hoa Kỳ

Việt Nam sức mảy..

Đất nước linh thiêng ơi,

Sao họ không chỉ dạy chúng làm toán đại số

Dạy chúng ấm no

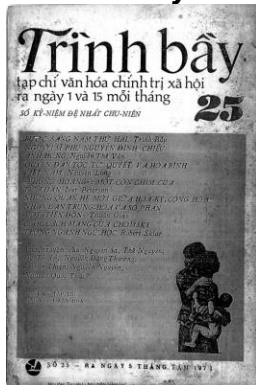
Có hơn không?

Giữa *Hành Trình* và *Đất Nước*, cộng sản như thể đang ở ngoài nhà, nay đã vào đến trong nhà, vào buồng ngủ... của tờ báo.

Nó lộ liễu và công khai quá. Nó không cần đeo mặt nạ. Tôi ngạc nhiên khi nhìn thấy tên tuổi những Nguyễn Sa, Luân Hoàn, Du Tử Lê, Nguyễn Tử Quý, Thảo Trường bên cạnh Ngô Kha, Ngụy Ngũ.

Với cung cách lộn sòng như thế này –không phân biệt tà-ngụy– cùng đứng chung, xếp hàng, miền Nam đang trải qua một mùa gió chướng và những cơn thử thách cuối cùng của một dòng lũ triều cường có thể cuốn trôi và phá sạch tất cả..

Tờ *Trình Bày*



Báo *Trình Bày*, Số 25. Nguồn: NVL

Tờ *Trình Bày* xuất hiện vào tháng 08-1970, cũng lại do Thế Nguyên làm chủ bút và chủ nhiệm. (Thế Nguyên sau 1975 không được trọng dụng, chết lẳng xẹt, rất sớm vì bị nhiễm trùng sỏi ứ đọng). Ở giai đoạn chót của miền Nam, *Trình Bày* ngang nhiên xuất hiện, in ấn đảng hoàng, bất chấp kiểm duyệt, bất chấp tịch thu báo. Ai tài trợ cho tờ báo? Còn ai vào đây nữa.

Đã đến lúc gạt Nguyễn Văn Trung ra ngoài khi thấy không cần thiết nữa. Chủ nhiệm kiêm chủ bút nay là Thế Nguyên (Bút hiệu khác là Trần Trọng Phủ). Tổng thư ký là Diễm Châu. Còn lại biên tập là: Lý Chánh Trung, Thanh Lãng, Đỗ Long Vân, Phạm Cao Dương, Nguyễn Sa, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần Tuấn Nhậm, Diễm Châu, Nguyễn Quốc Thái, Tôn Thất Lập, Thế Nguyên, Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Đồng, Nguyễn Nguyên, Trần Đỗ Dũng, Hoàng Ngọc Nguyên, Du Tử Lê, Cao Thanh Tùng, Thuận Giao.

Có một điều đặc biệt, tôi không còn thấy bài nào của Nguyễn Trọng Văn nữa.

Lần này nó lại được tăng cường thêm những cây viết của người quốc gia chính hiệu như Phạm Cao Dương, Trần Tuấn Nhậm, Trùng Dương, Nguyễn Đa, Nguyễn Đồng, Chu Vương Miện, Hoàng Ngọc Nguyên, Trần Hoài Thư, Trần Đỗ Dũng, Thanh Lãng, Nguyễn Đăng Thường, Lê Văn Thiện, Trần Huyền Ân, Đoàn Luân, Thuận Giao.

Và làm sao thiếu được Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, những người đứng làm bảng hiệu chính danh và hợp pháp.

Nhất là nay có thêm sự có mặt của Nguyễn Nguyên –tay trùm cộng sản– núp bóng trong tờ Tin Văn với Vũ Hạnh, Lữ Phương.

Nào ta đếm thử coi, còn thiếu ai nữa, những nhà văn, nhà thơ của miền Nam xem ai là người vắng mặt?

Ở trong tình trạng này, thật khó xếp hạng, thật khó biết ai là người quốc gia, ai là người bị cộng sản lợi dụng và ai là người cộng sản thứ thiệt?

Đã nhiều lần *Trình Bầy* phải vác chiếu ra hầu tòa. Thì đã có các luật sư danh tiếng của VNCH như các luật sư Bùi Chánh Thời, Vũ Văn Huyền, Trần Văn Tuyên tình nguyện cãi chũa cho tờ báo. Cãi cho tờ báo là cãi cho chủ bút, chủ nhiệm Thế Nguyên và đảng sau Thế Nguyên là Nguyễn Ngọc Lương (còn gọi là Lương trở), một cán bộ cộng sản nằm vùng!

Chúng ta trách ai bây giờ?

Nếu cần tố cáo thì tố cáo ai nhỉ? Ai là người anh em của ta, ai là kẻ thù? Và hôm nay, nhiều người còn sống sờ sờ trong các cơ quan truyền thông, trong các tờ báo ở Mỹ, ở mọi nơi?

Trong số đầu, thơ Nguyễn Sa cặp với Ngô Kha. Nguyễn Khắc Ngữ sánh đôi Nguyễn Quốc Thái, rồi lại Nguyễn Sa với Ngụy Ngữ. Bài viết của Phạm Cao Dương đi kèm với bài của Trần Tuấn Nhậm. Rồi Ngô Thế Vinh, Mai Trung Tĩnh, Huỳnh Ngọc Sơn, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Anh Tuấn, Thanh Lãng, Trùng Dương, Chu Vương Miện, Nguyễn Tường Vân, Lê Văn Ngàn, Hồ Dạ Thoại, Nguyễn Như Mây, Võ Quê, Mương Mán, Tiêu Dao, Trần Huyền Ân, bà Phạm Cao Dương. Đủ mặt anh hào.

Ngay trong lời mở đầu với nhan đề: “*Con đường đi tới*”, người đọc hiểu thế nào cũng được với thứ ngôn ngữ tuyên truyền bi thảm hóa cuộc chiến như sau:

– Một phần tư thế kỷ đã trôi qua trên cuộc cách mạng mùa thu.. Tuy vậy, những hy sinh ròng rã suốt 25 năm trời ấy dường như chưa đủ để cho một dân tộc yêu chuộng hòa bình như dân tộc Việt Nam có thể buông súng xuống vui hưởng tự do.

– Bây giờ vẫn còn những cụ già tóc bạc bị trói tay, bịt miệng, những em bé bắt lực quần quai trên vũng máu, những thanh niên bị đánh đập dã man, những thiếu nữ bị hãm hại.

– Bây giờ vẫn còn những cảnh tra hỏi, bắt bớ ở mỗi nẻo đường, những tiếng hét rùng rợn của những nạn nhân trong những phòng tra tấn,; cả một miền *Đất Nước* biến thành một cái chuồng thú vĩ đại. Máu hòa nước mắt. Roi da và thép gai, thép gai trùng trùng, điệp điệp...

– Con đường đi tới là con đường giải phóng: giải phóng *Đất Nước* và giải phóng con người Việt Nam toàn diện(8).

Những người quốc gia ở đâu, những chiến sĩ VNCH ở đâu để cho tờ báo thóa mạ VNCH..

Những tác giả cộng tác với *Trình Bầy* nay còn sống ở hải ngoại nay họ nghĩ gì?

Sau 42 số, tờ *Trình Bầy* nghĩ đã đến lúc phải đình bản, lúc đó là tháng 9 năm 1972 rồi. Thế Nguyên viết chia tay bạn đọc như sau:

'Nhìn lại những số báo đã xuất bản trong hai năm qua, chúng tôi rất vui mừng khi thấy tờ báo đã có được tính cách như là một diễn đàn chung của anh em văn nghệ, trí thức tiến bộ trong cũng như ngoài nước. Ở đó, không có chỗ cho bè phái địa phương, văn nghệ thù tạc. Nhưng đây chính là nơi dây tụ họp của những con người tin rằng ngày mai nhất định sẽ phải tốt đẹp hơn ngày hôm nay. Phụng sự cho ngày mai, chúng ta đã sống và đã viết.'

Đây là những lời nịnh nọt và hứa hão. Ai tin thì tin. Sau 1975, Thế Nguyên chẳng được dùng vào việc gì cho ra việc. Lang thang cò bơ cò bắt, và anh đã chết lãng xẹt chỉ vì một vết thương ở tay. Anh bị nhiễm trùng sài uốn ván và ngày sau qua đời. Anh để lại một tiểu truyện nhỏ đáng giá: Hồi Chuông tắt lửa.

Phần những người cộng tác với Trình Bày ở trên, một số lớn nay định cư ở Mỹ, chẳng biết họ nghĩ gì về giai đoạn làm báo này.

Tôi có nhận được một tuyển tập Văn khoa, *Một thời sống đẹp*. Tên tuổi những sinh viên Văn Khoa này như Cao Thị Quế Hương, Nguyễn Tuấn Kiệt, Huỳnh Thị Kim Tuyền, Đoàn Khắc Xuyên cũng gắn liền với tên tuổi các giáo sư của họ như Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, v.v. Sống Đẹp! Tôi chỉ hỏi họ, thế thì từ sau 1975 đến nay họ sống thế nào? Có còn sống đẹp không? Câu trả lời xem ra không dễ.

Tôi viết phần bài này nhân sắp đến dịp kỷ niệm 50 năm của nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

Sau 1963, Hồ Chí Minh nói với nhà báo thân cộng Wilfrid Burchett:

"Tôi không thể ngờ tụi Mỹ nó ngu như thế."

Nguyễn Hữu Thọ của MTGPMN phát biểu:

"Sự lật đổ Diệm là một món quà Trời ban cho chúng ta..."

Trách ai và trách cái gì bây giờ?

Hay nói như Pascal, người quốc gia và người cộng sản ở vào một thời điểm nào đó đã cùng xuống thuyền mà vận mệnh dân tộc đã đẩy họ xuống? Vấn đề là ngày hôm nay, chúng ta phải làm gì? Và đã làm gì?

© 2015 DCVOnline

Bài do tác giả gửi và chú thích. DCVOnline minh họa.